

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký 中峰三時繫念法事全集講記

淨空老法師主講

地點：澳州淨宗學會

寶光字弟子如和譯

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Giảng tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Dẫn Nhập

Lần đầu tiên mặt nhân được biết đến Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm là vào năm 2001 trong kỳ Phật Thất mùa Thu tại Tịnh Tông Học Hội Dallas. Do không biết tiếng Quan Thoại nên chúng tôi không nghe ra các âm thanh tụng niệm để theo kịp khóa niệm; nhờ đó, chúng tôi có dịp thông thả đọc từng trang Tam Thời Hệ Niệm và nhận thấy đây là một tác phẩm vô cùng quý giá cho Tịnh nghiệp hành nhân.

Thoạt nhìn, dễ hiểu lầm đây chỉ là một thứ khóa tụng nhằm hồi hướng cho các vong linh sau khi Phật thất viên mãn. Thế nhưng, càng đọc kỹ, càng thấy mỗi một lời khai thị trong bản pháp sự khoa nghi này đúng là kim chỉ nam cho người tu Tịnh Độ. Càng đọc, chúng tôi càng nhận thấy tư tưởng của Trung Phong quốc sư qua những lời khai thị hoàn toàn nhất quán với tư tưởng của lịch đại tổ sư Tịnh tông. Dường như, trong các trước tác, ngài Ngẫu Ích chịu ảnh hưởng của ngài Trung Phong rất nhiều, nhưng do kiến văn thô lậu, hữu hạn, chúng tôi không dám đoán chắc điều này. So với tác phẩm Tịnh Độ Sám Nguyện của ngài Tuân Thức, ý nghĩa, văn chương, khai thị, thứ tự tác pháp của Tam Thời Hệ Niệm đều vượt trội. Nhất là trong pháp sự này, đối tượng quy kính hoàn toàn chuyên nhất nơi Tây Phương Tam Thánh, không lẽ bái quá nhiều danh hiệu thập phương chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn Tăng như trong Tịnh Độ Sám Nguyện, khiến tư tưởng “*nhất tâm chuyên niệm, hồi hướng phát nguyện vãng sanh*” của Tịnh tông càng được củng cố mạnh mẽ, người hành trì cũng dễ chú tâm hơn.

Đã từ lâu mặt nhân mang tâm nguyện phiên âm, chuyển ngữ pháp sự khoa nghi này, nhưng đành bó tay vì văn chương của ngài Trung Phong quá cô đọng, hầu như không cách nào gượng dịch được. May mắn sao! Mùa Thu năm nay (2004), chúng tôi tìm được bản Giảng Ký về khoa nghi pháp sự này của lão pháp sư Tịnh Không trên trang nhà Hoa Tạng Phật Giáo Đồ Thư Quán. Xin trân trọng diễn nôm, với tâm nguyện giúp cho những hành nhân Tịnh tông có thêm tài liệu làm kim chỉ nam hồng củng cố chí thú nhất tâm chuyên niệm, hồi hướng vãng sanh. Chúng tôi hoàn toàn tâm đắc lời Hòa Thượng Tịnh Không khai thị: Ngoài năm kinh một luận Tịnh Độ, mỗi hành nhân Tịnh Độ nên thường đọc đi đọc lại pháp sự này, tùy văn nhập quán để

phần nào thể hội ý chỉ “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”; để từ đó, sự lý viên dung, sự sự vô ngại, niệm niệm chẳng rời A Di Đà Phật.

Dưới mỗi câu trong chánh văn trong pháp sự khoa nghi, chúng tôi tạm dịch thành đôi dòng tiếng Việt để phô bày phần nào huyền nghĩa của chánh văn. Vì sức học quá hạn hẹp, thiếu hẳn văn tài, lời văn vụng về, thô kệch, què quặt, không thông suốt, chúng tôi không dám gọi đây là bản dịch, mà chỉ gọi là “bản chuyển ngữ”. Để người đọc tiện theo dõi, chúng tôi tự tiện đánh số chia khoa mục và đặt tiêu đề. Do nguyên cáo là một bản ghi chép trung thực lời Hòa Thượng giảng trong nhiều ngày, nên có những đoạn được Hòa Thượng nhắc đi nhắc lại đôi ba lần. Khi chuyển ngữ, chúng tôi vẫn giữ nguyên như thế, không tinh lược, ngõ hầu người đọc có thể tưởng tượng như đang trực tiếp tham dự pháp hội giảng kinh của Hòa Thượng.

Trong khi đang dịch nháp bài giảng này, chúng tôi thấy có những vị thiện tri thức khác cũng đang dịch bằng giảng, nên chúng tôi đã bỏ dở, không làm nữa, nhưng rồi nuối tiếc, nên đành chuyển ngữ tiếp cho đến khi hoàn thành cáo bản vào cuối năm 2005. Do nghĩ bản chuyển ngữ này là việc làm dư thừa, coi như một tài liệu chỉ dành riêng cho chính mình học hiểu Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, chúng tôi giữ nguyên hình thức mộc mạc, trúc trắc của nó để đăng tải trên trang nhà Di Đà Nguyễn Hải (niemphat.net), vì nghĩ sẽ chẳng ai bận tâm đọc nó sau khi đã có bằng giảng được lưu hành. Cho tới cuối năm 2010, trong một cuộc điện đàm, sư huynh Đức Phong đã có nhã ý muốn ấn hành bài giảng này để giúp cho những đồng tu cao tuổi, khó thể đọc lâu trên Internet, có thể thuận tiện tra cứu khi cần thiết, dễ dàng đánh dấu chương nào, phần nào cần thiết để đọc đi đọc lại từng phần lời giảng, suy ngẫm hòng thấu hiểu để thực hành hạnh “tùy văn nhập quán” như lão pháp sư Tịnh Không đã ân cần chỉ dạy. Vâng lời từ huấn của sư huynh Đức Phong, chúng tôi tu chỉnh, điều chỉnh cách chấm câu chưa hợp lý, ghi thêm chánh văn tiếng Hán, diễn nôm một số từ ngữ Hán Việt không phổ biến, cũng như nhuận sắc cho lời văn đỡ thô vụng, quê kệch hơn, cũng như sửa lỗi chánh tả. Dầu đã cố gắng hết sức, nhưng tài cùn, trí cạn, thiếu hẳn sự tu trì, kiến thức chấp vá, lơ mơ, chắc chắn sẽ có những sai sót không thể nào tha thứ được trong bản chuyển ngữ ngô nghê này, ngưỡng mong các liên hữu xa gần sẽ rộng lòng từ bi lân mẫn chỉ giáo, phủ chính.

Nếu việc làm liêu lĩnh này của chúng tôi có công đức nào thì xin hồi hướng công đức ấy lên bốn sư thượng Giải hạ Thắng, trụ trì chùa Bửu Quang quận 7, Sài Gòn, chư tổ sư hoàng truyền Tịnh tông Việt Nam và Trung Hoa, lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, tông thân quyến thuộc, cũng như các liên hữu Vạn Từ, Minh Tiến, Huệ Trang, Đức Phong luôn nâng đỡ, khuyến khích chúng tôi mỗi khi “chân chùn, gối mỏi, ngã lòng, lười nhác”. Nguyên do công đức này, tất cả Tịnh nghiệp hành nhân trong cõi Sa Bà này và mười phương thế giới đều cùng được viên thành chí nguyện, cùng hội ngộ nơi Tây Phương Cực Lạc; tất cả chúng sanh trong mười phương nghiệp đạo đều thoát chôn u đồ, đồng sanh Tịnh Độ.

Trọng Đông năm 2010, Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký phần 1

中峰三時繫念法事全集講記

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 01

A. Giới thiệu giản lược về tác giả

Chư vị đồng học!

Trong giai đoạn này, hằng tháng những Tịnh tông liên hữu vào mỗi Chủ Nhật lại cử hành pháp sự **Tam Thời Hệ Niệm** một lần tại Tịnh Tông Học Viện của chúng ta, thực hiện rất hoan hỷ, nhưng có rất nhiều chỗ trong những lời khai thị của thiền sư Trung Phong họ chẳng hiểu rõ cho lắm. Lẽ đương nhiên, họ chẳng thể “*tùy văn nhập quán*”. Bởi thế, các đồng học đến tìm tôi, hy vọng tôi sẽ giảng nghi thức này một lượt. Tôi nhớ trong quá khứ đã từng giảng nghi thức này tại Tân Gia Ba, nhưng giảng rất đơn giản. Tôi cũng đọc tụng tập sách này mỗi ngày. Lời Thiền Sư khai thị giản dị, nhưng ý nghĩa sâu sắc, đúng như Phật pháp nói: “*Bất cứ một pháp nào cũng đều có thể giúp chúng ta thành Vô Thượng Đạo*”, bởi pháp nào cũng đều viên mãn; nhưng vấn đề là phải thông hiểu, mà thông hiểu chẳng phải là chuyện dễ. Quý vị đã yêu cầu, tôi cũng hoan hỷ. Chúng tôi lợi dụng thời gian này để chúng ta cùng học kỹ tập sách này.

Tựa đề [của tập sách này] là **Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập**; trước hết, chúng tôi giới thiệu cùng quý vị hai chữ Trung Phong. Trung Phong là tên người. Thiền Sư pháp danh là thượng Minh hạ Bồn, Minh (明) là quang minh, Bồn là chữ bồn trong “*bồn mạt*” (本末: gốc ngọn). Trung Phong là biệt hiệu của Ngài. Ngài là người huyện Tiền Đường, Hàng Châu; đại khái là người ở Tiêu Sơn thuộc Hàng Châu. Tiêu Sơn nằm bên bờ sông Tiền Đường. Ngài sanh vào cuối thời nhà Tống, lớn lên dưới thời Nguyên, là người thuộc giai đoạn Tống mạt Nguyên sơ. Ở đây, chúng tôi cũng phải giới thiệu nhà Nguyên đơn giản như sau:

Ở Trung Quốc, từ cổ đến nay, người thống trị quốc gia là người Hán, Hán tộc. Trước kia, các dân tộc khác đều sống tại ngoại quốc, nay hòa nhập thành dân tộc Trung Hoa. Dân tộc Trung Hoa có năm mươi hay sáu mươi sắc dân bất đồng, nhưng Hán tộc lớn nhất, dân số đông nhất. Triều đại nhà Nguyên do người Mông Cổ kiến lập, Thanh triều do người Mãn Châu kiến lập, đều thuộc ngoại tộc. Khi chưa thống nhất thì gọi họ là “ngoại tộc”, thống nhất rồi, họ bèn hòa lẫn vào Trung Quốc thành một thể. Bởi thế, bản thân Trung Quốc là dân tộc đa nguyên văn hóa, giống như một cái lò luyện lớn, vừa có thể bao dung, vừa có thể đối xử hòa thuận với nhau, đối đãi

binh đẳng. Đây chính là điều cổ thánh tiên hiền Trung Quốc răn dạy, là thành tựu của văn hóa Trung Hoa.

Lãnh tụ Mông Cổ thời ấy là Hốt Tất Liệt (Khubilai), là hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan). Cuối đời vua Lý Tông triều Tống, vào năm Cảnh Định thứ nhất đời Tống Lý Tông - Cảnh Định là niên hiệu, tức là năm 1260 dương lịch, nói như vậy mọi người đều hiểu rõ; năm nay là năm 2003. Nhà Nguyên của Mông Cổ lập quốc vào năm 1260, nhằm vào năm Cảnh Định thứ nhất thời Tống Lý Tông; Hốt Tất Liệt trở thành Đại Hãn, tức vị (lên ngôi) tại Khai Bình. Khai Bình nằm tại cực Bắc Nhiệt Hà (Jehol), nay thuộc địa khu Mông Cổ, nằm ở phía chánh Bắc thành Bắc Kinh. Hốt Tất Liệt lấy niên hiệu là Trung Thống, sau đổi sang niên hiệu khác; ông ta tức là Thế Tổ Hoàng Đế nhà Nguyên, trong sử gọi là Nguyên Thế Tổ.

Tính từ năm đầu Dân Quốc, triều Nguyên có trước Dân Quốc 652 năm. Năm nay là năm Dân Quốc 92 (2003), quý vị phải biết thời đại này, đích xác là sáu trăm năm mươi hai năm cộng thêm chín mươi hai năm nữa, hơn bảy trăm năm! Thời đại nhà Nguyên cách nay đã hơn bảy trăm năm rồi. Chẳng bao lâu sau (thời gian các hoàng đế cuối đời Tống tại vị rất ngắn), vào niên hiệu Hàm Thuần thứ bảy đời Tống Độ Tông, tức là năm 1271, Mông Cổ lập quốc, đổi quốc hiệu là Nguyên, năm thứ nhất nhà Nguyên bắt đầu từ đó. Năm 1276, nhà Tống mất nước, cũng là năm Mông Cổ thống nhất toàn bộ Trung Quốc. Trung Quốc được thống nhất hoàn toàn vào năm 1277, đây chính là năm nhà Nguyên góp mặt vào lịch sử Trung Quốc. Niên hiệu của Nguyên Thế Tổ khi đó là năm Chí Nguyên thứ mười bốn (1277). Nếu tính từ thời kỳ Dân Quốc, năm ấy cách thời Dân Quốc sáu trăm ba mươi lăm năm. Giới thiệu đơn giản lịch sử nhà Nguyên Mông Cổ cùng quý vị như thế đó.

Tiếp đến, chúng tôi xin giới thiệu người biên soạn Tam Thời Hệ Niệm: thiên sư Trung Phong. Thiên sư Trung Phong sanh năm Quý Hợi, tức năm Cảnh Định thứ tư đời Tống Lý Tông. Năm Cảnh Định thứ tư chính là năm 1263 Tây lịch. Ngài sanh nhằm ngày mùng Hai tháng Mười Một năm 1263. Theo truyện ký, Ngài họ Tôn, mẫu thân họ Lý. Bà mẹ Ngài nằm mộng, mộng thấy “*Vô Môn Khai đạo giả, trì đặng lung chí kỳ gia, dực nhật toại sanh*”: Vị lão nhân Vô Môn Khai¹ tay cầm lồng đèn đi vào nhà bà, ngày hôm sau bèn sanh. Do đây biết rằng: Mẫu thân Ngài nằm mộng ngày mùng Một tháng Mười Một; ngày mùng Hai tháng Mười Một bà bèn sanh một bé trai, đưa bé trai ấy là thiên sư Trung Phong. Truyện ký ghi lại chuyện này, nay chúng ta có thể tin tưởng được. Vì sao vậy? Chúng ta nghe nói những chuyện như vậy rất nhiều, đúng là có chuyện như vậy.

Đứa bé ấy trở lại làm người, quyết định chẳng phải là người tầm thường; nó oai nghi đẹp đẽ chẳng giống mọi đứa bé khác. Vừa mới biết đi, đứa bé ấy bèn biết nói. Vừa mới biết đi, tức là [như truyện ký chép] “*tài ly cường bảo*” (vừa mới khỏi phải đi)², nó liền biết nói, vừa mới biết đi đã biết ngồi xếp bằng tịnh tọa. Vừa mới biết

¹ Vô Môn Khai tức là ngài Vô Môn Huệ Khai (1183-1246), tác giả bộ sách Thiên nội tiếng Vô Môn Quan.

² “*Cường bảo*” (襁褓), ta gọi là cái đi. Người Trung Hoa thường dùng vải dày may thành cái đi, có bốn sợi dây, buộc con cồng sau lưng để người mẹ rảnh tay để làm lụng. “Vừa mới khỏi phải đi” tức là đứa bé đã tự đi lẫm chẫm được, không còn phải đi sau lưng nữa.

nói đã biết xướng phạm bái³. Chơi với mấy bạn nhỏ khác, nếu quan sát kỹ, trò chơi của chúng đều là Phật sự, giống như những việc thuộc pháp hội nhà Phật. Nó thích chơi những trò như vậy. Do đây, ta biết đời trước nó là người xuất gia, mang theo tập khí đời quá khứ. Căn bản là chẳng có ai dạy, dẫu thời ấy Phật pháp rất thịnh hành, nhưng một đứa bé nhỏ xíu như thế không ai dạy, lại tự biết. Chẳng những đời trước nó là người xuất gia, mà còn chẳng phải là người xuất gia tầm thường; nếu là hạng tầm thường sẽ chẳng thể có thành tựu như thế.

Bôn tích nhân duyên của Ngài, chúng ta là phàm phu chẳng thể biết Ngài có phải là Phật, Bồ Tát ứng hóa hay không, rất khó nói được. Phần lớn cuộc đời Ngài trụ tại núi Thiên Mục. Có mấy vị đồng học đã đến núi Thiên Mục rồi. Đương nhiên Phật sự Hệ Niệm cử hành tại núi Thiên Mục, chúng tôi tin tưởng nhất định được thiên sư Trung Phong gia trì. Bất quá ở mọi nơi trên thế giới, nếu chúng ta quán tưởng núi Thiên Mục, quán tưởng thiên sư Trung Phong, thì thời gian lần không gian chẳng bị chướng ngại, đều có thể cảm ứng Tam Bảo, được oai thần của Phật, Bồ Tát gia trì.

Năm Ngài lên chín tuổi, mẹ mất; bởi thế, cũng có thể coi Ngài là một cô nhi. Năm mười lăm tuổi, Ngài có ý niệm xuất gia, nhưng cha vẫn còn sống. Thiên sư Trung Phong rất hiếu thuận, dẫu có ý niệm xuất gia, nhưng cha không đồng ý, bèn chẳng thể tùy tiện xuất gia. Dù tại gia, nhưng trong nhà có Phật đường, Ngài ở nhà lễ Phật nhưng lại đốt tay, “*lễ Phật nhiên tý*” – “*nhiên tý*” (然臂) là đốt hương trên cánh tay, tại gia cư sĩ thọ Bồ Tát giới đều đốt hương trên cánh tay, người xuất gia đốt trên đầu – “*thệ trì ngũ giới*” (thệ giữ ngũ giới). Mỗi ngày niệm kinh Pháp Hoa, kinh Viên Giác, kinh Kim Cang. Suốt mười mấy năm ngày đêm tinh tấn, tối cũng chẳng nghỉ ngơi, “*dạ tác thường hành*” (đêm thường đi kinh hành). Hễ mệt bèn động đầu vào cột để tự răn nhắc mình.

Chúng ta nghĩ thử xem, từ cổ đến nay, những người thực sự biết dũng mãnh tinh tấn chẳng nhiều. Chúng ta thấy thiên sư Trung Phong trước khi xuất gia, hành trì suốt mười mấy năm như thế, chẳng phải là thị hiện cho chúng ta thấy hay sao? Làm gương cho hàng hậu học lần đại chúng đương thời. Chúng tôi hay nói “*học vi nhân sư, hạnh vi thế phạm*” (học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời), Ngài làm gương, nêu khuôn mẫu cho đại chúng. Người học Phật chân chánh phải giống như vậy. Nhà Ngài ở gần núi Linh Động, Ngài thường lên đánh núi tọa thiền. “*Phủ quan*” (đến tuổi đội mũ) – tức là năm hai mươi tuổi – “*duyệt Truyền Đăng Lục*” (là một bộ ngữ lục của Thiên Tông, một ngàn bảy trăm đoạn công án Thiên Tông được chép trong sách này). Sách này rất dày, toàn là những câu chuyện về những sự tu hành, khai ngộ, chứng quả trong nhà Thiền.

Trong quá khứ đã từng có người viết thư, người này tham Thiền, [chuyện này có ghi trong] Ấn Quang Văn Sao thiên nào tôi không nhớ. Khi tôi mới học Phật, lúc còn chưa xuất gia, xem sách tại thảo am của pháp sư Sám Vân ở Phổ Lý, đọc Ấn Quang Văn Sao. Đây là công khóa đầu tiên pháp sư Sám Vân buộc tôi phải đọc. Tôi sống ở trên núi ấy năm tháng rười, những sách tôi đọc là A Di Đà Kinh Sớ Sao, A Di Đà Kinh Viên Trung Sao, A Di Đà Kinh Yếu Giải. Pháp sư Sám Vân dạy tôi phải nỗ lực

³ Phạm bái (梵唄): Các hình thức tán tụng kinh điển trong Phật giáo Trung Hoa.

đọc thật kỹ ba bộ sách ấy, đã thế lại còn phải lập đồ biểu phân khoa những cuốn sách ấy⁴. Ngoài ra là xem Ấn Quang Văn Sao.

Tôi nhớ có một người gửi thư cho Ấn Quang đại sư, nói một ngàn bảy trăm đoạn công án ấy, ông ta đều tham ngộ thấu triệt phần lớn, nhưng vẫn còn có mấy điều ông ta chưa hiểu. Ấn Quang đại sư viết thư trả lời rất khéo. Sư nói: *“Với một ngàn bảy trăm đoạn công án ấy, nếu hiểu rõ được một điều, ông sẽ hiểu toàn bộ; nếu còn một điều chưa hiểu rõ tức là ông chẳng hiểu toàn bộ”*. Vị nhân giả ấy sau khi nhận được thư của Ấn Quang đại sư, giống như bị nước lạnh xối vào đầu, tỉnh ngay, bèn buông bỏ chẳng tham Thiền nữa, thật thà niệm Phật. Quý vị phải biết, từ xưa, các tổ sư đại đức thường dạy chúng ta: *“Một ngộ, hết thủy ngộ”*. Vẫn còn một sự chưa ngộ thì cái gì quý vị cũng chẳng ngộ cả! Ngàn vạn phần chớ tự nghĩ mình khai ngộ, như thế đúng là làm đầy!

Tổ Ấn Quang gõ gậy ngay vào đầu, chẳng đánh thức riêng mình ông ta mà chúng ta đều phải đề cao cảnh giác. Chúng ta khai ngộ rồi chưa? Chớ hê! Khai ngộ thực sự, cổ đức đã nói rất rõ: *“Thông một kinh, hết thủy kinh đều thông”*. Chúng ta đã thông một kinh hay chưa? Nếu thông rồi, hết thủy kinh bày trước mặt chúng ta sẽ đều chẳng có chướng ngại chi, như vậy mới là thông! Hết thủy pháp thế gian bày trước mặt quý vị chẳng chướng ngại gì. Pháp thế gian, xuất thế gian hoàn toàn thông rồi, thế mới gọi là “đại triệt, đại ngộ”, mới là đại khai viên giải, chẳng dễ dàng đâu! Trước kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ rất cảm khái bảo tôi: *“Từ thời Mạt Pháp trở đi, tức là từ nay trở đi, chúng sanh không có khả năng”*; cho nên chúng tôi kết luận rằng: Chỉ có thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chỉ có con đường này là ôn hòa, thích đáng nhất, đáng tin cậy nhất. Ngài Trung Phong là thiền sư, đích thật là bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong Tông Môn. Quý vị xem đó, Ngài dạy chúng ta niệm Phật, tam thời hệ niệm.

Vào lúc ấy, có một vị xuất gia thấy Sư rất có thiên tư, vị xuất gia ấy hiệu là Minh Sơn. Nhìn vào danh hiệu ấy, chúng tôi cho rằng rất có thể Sư [Minh Sơn] là đồ đệ của hòa thượng Cao Phong, vì thuộc hàng chữ Minh. Minh Sơn đem ngài Trung Phong đến núi Thiên Mục ra mắt thầy, vị thầy ấy là thiền sư Cao Phong Diệu. Trong lịch sử Thiên Tông, hòa thượng Cao Phong cũng rất nổi tiếng, Ngài là quốc sư đời Nguyên.

Môn giám của thiền sư Cao Phong rất cao, thực sự là một cao tăng hữu đạo (chúng tôi không nói “đắc đạo”, mà nói “hữu đạo” là điều hết thủy mọi người đều khẳng định), nhìn người rất giỏi. Vừa trông thấy chàng trai trẻ, Hòa Thượng đặc biệt hoan hỷ, đặc biệt hữu duyên, bèn ngay lập tức cho xuất gia. Trung Phong thiền sư thưa: “Cha con chẳng cho phép, con chẳng thể xuất gia”. Trong tâm Sư rất muốn xuất gia, nhưng cha vẫn còn, cha chẳng thuận cho xuất gia. Thiền sư Cao Phong bảo: “Người quay về khéo bàn bạc cùng cha, hy vọng cha người đồng ý cho người xuất gia”. Đó là chuyện lúc ngài 20 tuổi.

Sau khi gặp được thiền sư Cao Phong, Ngài bèn tiếp nhận sự chỉ dạy của ngài Cao Phong. Bởi vậy, thành tựu của một cá nhân dù là pháp thế gian hay xuất gia gian đều chẳng có ngoại lệ, thầy dạy rất quan trọng! Gặp được một vị thầy thực sự cao

⁴ Tức là chia sách ra thành từng đoạn nhỏ, đặt tựa đề để nêu tóm gọn ý nghĩa cho mỗi phân đoạn, hệ thống những tác phẩm ấy.

minh chỉ dạy, quý vị tiên bộ rất nhanh! Có một ngày, Ngài niệm kinh Kim Cang, niệm đến câu “*hà đảm Như Lai*” (gánh vác Như Lai), niệm đến đó “*hoảng nhiên khai giải*”, thực sự là bỗng nhiên đại ngộ, đại ngộ chứ chưa triệt ngộ, nhưng có lợi cho Ngài rất nhiều. “*Do thị nội ngoại điển tịch, giai đạt kỳ nghĩa thú*” (Do vậy nội ngoại điển tịch⁵ đều nắm được ý nghĩa), đó là ngộ vậy. Nội điển là kinh Phật, ngoại điển là sách vở Nho Gia, Đạo Gia, bách gia chư tử; những kinh sách như vậy đều có thể thông đạt hết. Dầu ngài Trung Phong đã ngộ nhập cảnh giới, nhưng rất khiêm hư, chẳng nghĩ mình khai ngộ. “*Thời niên nhị thập hữu tứ*”, năm ấy Ngài hai mươi bốn tuổi, “*thật Chí Nguyên Bính Tuất tuế dã*” (đúng vào năm Bính Tuất niên hiệu Chí Nguyên), năm Bính Tuất trong niên hiệu Chí Nguyên là năm 1286 Tây lịch. “*Minh niên, tùng Cao Phong thế nhiệm u Sư Tử Viện*” (Năm sau, bắt đầu xuất gia với Cao Phong tại Sư Tử Viện). Sư Tử Viện là tên đạo tràng, chúng ta biết Ngài xuất gia năm hai mươi lăm tuổi. Tụng kinh Kim Cang giác ngộ vào năm hai mươi bốn tuổi, nội ngoại điển tịch không còn gì chướng ngại nữa.

Trước kia, lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy chúng tôi rằng “*nội ngoại điển tịch là pháp thế gian, xuất thế gian*”. Pháp xuất thế gian là kinh Phật, pháp thế gian là danh từ đương thời để chỉ các tác phẩm Nho, Đạo, bách gia chư tử của Trung Quốc. Ngài không gặp chướng ngại gì [khi đọc các điển tịch] năm hai mươi bốn tuổi, không phải là mê tín! Thực sự có học vấn. Năm sau xuất gia, lạy Cao Phong Diệu Thiên Sư làm thầy. Năm hai mươi sáu tuổi thọ giới. Năm hai mươi bảy tuổi, truyện ký có đoạn ghi “*quán lưu tuyên hữu tinh*” (thấy suối chảy có tinh), “*tinh*” đây là giác ngộ. Phía Đông núi Thiên Mục rất nhiều suối, lại còn có thác. Ngài nhìn thác nước, nước chảy xiết bèn giác ngộ, cầu thầy ấn chứng. Thiên sư Cao Phong Diệu là bậc thực sự khai ngộ, minh tâm kiến tánh, Ngài đến dẫn dụ, chỉ dạy, giúp đỡ học trò mình. Nói thật ra, ngài Trung Phong còn trong giai đoạn sắp ngộ, chưa ngộ, chúng ta biết khi ấy Sư hai mươi bảy tuổi.

Chính vào lúc ấy, “*dân gian ngoa truyền*” (ngoa truyền tức là chẳng phải thật, là đồn thổi, nay ta gọi “*ngoa truyền*” là đồn đại), đồn đại điều gì? “*Quan tuyển đồng nam nữ*” (Quan lại phải tuyển đồng nam, đồng nữ), tức là quan phủ phải tuyển bé trai, bé gái. Việc ấy chẳng thật, chỉ là lời đồn. Trung Phong bèn đến hỏi thầy, Ngài nói: “*Hốt hữu nhân lai vấn hòa thượng, thảo đồng nam nữ thời, như hà*” (Nếu như chợt có người đến hỏi Hòa Thượng đòi đồng nam, đồng nữ, thì sao?): Thừa thầy, bên ngoài họ đồn có người đến hỏi thầy bắt đồng nam đồng nữ, thì thầy làm sao? Cao Phong Diệu Thiên Sư bèn nói: “*Ta đưa cho người ấy một cái trúc ty*”. Tôi từng thấy cái trúc ty (竹篾), hiện thời rất hiếm thấy. Nó là cái lược chải đầu bằng trúc, nhưng răng dày hơn lược thường, răng rất khít, trước kia dùng để gỡ đầu (người Việt gọi là “*lược bí*”). Vào thời Dân Quốc kháng chiến, nó rất phổ biến tại nông thôn và những thành phố nhỏ, bây giờ không thấy nữa. Hiện thời, phần lớn lược làm bằng chất nhựa hóa học đúc, không thấy loại trúc ty ấy nữa. Nó là vật dụng dùng để chải gỡ nam nữ đều dùng, đàn bà dùng nhiều nhất.

Sư nói: Nếu có ai đến hỏi tôi đòi đồng nam, đồng nữ, tôi bèn cho nó [cái trúc ty] như vậy đó! “*Sư ngôn hạ đồng nhiên*” (Sư nghe nói xong, bèn rỗng rang): Trung Phong thiên sư nghe câu nói ấy, bèn bỗng nhiên đại ngộ, “*triệt pháp nguyên để*”

⁵ Nội ngoại điển tịch: Sách vở trong nhà Phật gọi là “*nội điển*”, sách vở thế gian gọi là “*ngoại tịch*”.

(thấu triệt nguồn đáy pháp). Đó là đại triệt, đại ngộ. Bây giờ chúng ta đọc đến đoạn này có ngộ chút nào không? Đừng nói là đại ngộ, ngay đến tiểu ngộ cũng không có, giống như câu hỏi không được đáp, đây chính là phương tiện thiện xảo dạy dỗ của thầy, người khác nghe chẳng hiểu; có thể nói là “*chạm đúng Thiên cơ, đã thông huyệt đạo*”. Câu “*thấu triệt nguồn đáy pháp*” này rất phi thường. Từ đây, ta biết Sư khai ngộ năm hai mươi bảy tuổi, khai ngộ rồi không ai biết, chỉ có thầy Ngài biết, người khác không biết. Bởi thế, “*lục trăm chúng trung, nhân vô sở tri*” (chìm khuất trong chúng, không ai biết). Mọi người cùng chấp tác trong đạo tràng ấy không ai biết Ngài đã khai ngộ.

Tiếp đây, khi đó “*Cao Phong thư chân tán phó Sư*” (Cao Phong viết bài tán trao cho Sư): Thiên sư Cao Phong là thầy Ngài, viết cho Trung Phong mấy câu. Bốn câu ấy cũng thuộc Thiên cơ, nay chúng ta đọc cũng chẳng hiểu. Ngài nói: “*Ngã tướng bất tư nghị, Phật tổ mạc năng thị, độc hứa bất tiểu nhi, kiến đắc bán biên ty*” (tạm dịch: “*Ngã tướng chẳng nghĩ bàn, Phật, tổ chó coi thường, riêng cho đứa con tẻ, được thấy nửa bên mũi*”). Đây là lời thầy Ngài viết, khen ngợi chỗ ngộ của Ngài, Ngài ngộ gì chúng ta không biết. Chúng tôi đọc bốn câu kệ này của sư Cao Phong, chúng tôi cũng không cách gì hiểu được. Đúng là rốt cuộc quý vị ngộ nhưng vẫn chẳng ngộ. Nếu lúc ngộ thì sẽ hiểu từng câu, từng chữ rành rẽ, nói với người chưa ngộ cũng vô dụng. Bài kệ trên hoàn toàn giống với một ngàn bảy trăm đoạn công án. Sau này có những người tham học đến thỉnh giáo ngài Cao Phong, Cao Phong thiên sư bảo bọn họ: “Các ông có câu hỏi gì cứ đi hỏi ông. Ông ta pháp hiệu là Minh Bồn. Các ông qua mà hỏi ông”. Cứ như thế, dần dần mọi người biết Trung Phong thiên sư thực sự có năng lực chỉ dạy đại chúng.

Chúng ta biết chắc chắn Sư mới hai mươi bảy tuổi, tuổi tác chẳng lớn lắm. Đương thời có vị xuất gia, “*Hoài tăng Tử Chứng*”, Hoài (淮) là tên đất, Tăng là người xuất gia, Tử Chứng là pháp hiệu, “*thường vấn Cao Phong chư đệ tử ưu liệt*” (thường hỏi Cao Phong về các đệ tử giỏi hay dở). Đại khái, chúng tôi cho rằng vị này là người ngang vai vế với ngài thiên sư Cao Phong Diệu. Có một lần, vị này hỏi Hòa Thượng: “Trong đám đệ tử ông có ai ưu tú, thực sự khế nhập cảnh giới, có kiến địa chăng?” Ngài Cao Phong nói: “*Nhược sơ viện chủ đẳng*” (trước hết kể từ hàng viện chủ), ý nói toàn bộ đại chúng trong chùa, “*nhất bán tri giải, bất đạo toàn vô*” (kẻ biết một phần, hiểu một nửa, chẳng thể nói là hoàn toàn không có ai), số người biết một phần hiểu một nửa khá nhiều, Sư nêu tên mấy vị, rồi mới nhắc đến Minh Bồn, “*duy Bồn Duy Na*” (chỉ có thầy Duy Na Minh Bồn), đại khái khi ấy, ngài Trung Phong giữ chức Duy Na trong chùa, [nên gọi là] thầy Duy Na Minh Bồn.

Sư giữ chức Duy Na rất hợp lý, vì chúng ta thấy trong phần trước của truyện ký có kể Sư vừa biết đi bèn biết nói, biết xưng phạm bái. Chúng tôi cho rằng đời trước Sư rất thông thạo phạm bái, nhất định xưng rất hay; bởi thế, nhà chùa thỉnh Sư giữ chức Duy Na. Thầy Duy Na Bồn, Bồn tức là Minh Bồn, “*can thượng lâm tân hoàng*” (là bụi trúc mới nổi giữa rừng tre), dùng cách ví von này rất hay! Vì núi Thiên Mục khắp nơi đều là trúc. Tôi từng đến chỗ ấy, e rằng hơn một trăm dặm, hai trăm dặm toàn là trúc. “*Tha nhật thành tài vị dị lượng dã*” (Ngày sau thành tài chẳng dễ lường nổi): Người ấy tiền đồ tương lai vô lượng! Đặc biệt tán thán Sư; trong tất cả đệ tử, Sư được thầy đặc biệt coi trọng.

Đền đời Nguyên Thành Tông, tức là hoàng đế thứ hai của nhà Nguyên, là con của Hốt Tất Liệt, tên là Thiết Mục Nhĩ (Temur). Ông ta làm hoàng đế, đặt niên hiệu là Nguyên Trinh, tức vị vào năm Nguyên Trinh nguyên niên, tức năm 1295. Tháng Mười Một năm ấy, thầy của Ngài viên tịch. [Truyện ký chép] “*trương thiên hóa*” nghĩa là viên tịch; “*dĩ Đại Giác chúc Sư*” (đem Đại Giác phó chúc cho Sư). Đại Giác là tên chùa, đem đạo tràng ủy thác cho Trung Phong thiền sư, “*Sư từ, thôi đệ nhất tọa Tổ Ung chủ chi*” (Sư thoái thác, cử vị thượng tọa đứng đầu là Tổ Ung làm chủ [chùa ấy]); Ngài thoái nhượng, chẳng làm trụ trì. Đến niên hiệu Đại Đức (1297), Sư đi tham học khắp cả một vùng từ Kim Lăng (Nam Kinh) tới An Huy. Năm Mậu Tuất (1298), Sư trụ tại thảo am ở Lô Châu. Trong thời gian đó, nếu nói như bây giờ là tiếng tăm của Sư ngày càng cao. Do trí huệ, đạo đức, biện tài, tài giáo hóa chúng sanh của Sư, người đến tìm Sư cầu đạo ngày càng đông.

Thiền Sư thích thanh tịnh, thích tấn tu. Xem trong hành trạng một đời Ngài, thời gian Ngài trụ tại một địa phương nào chẳng lâu, đều là tham học các nơi, ở trong thảo am, cuộc sống rất đơn giản, rất thô phác, quý vị có thể đọc trong sách ghi về hành trạng của Ngài. Năm Quý Sửu (1313), trong năm ấy có nhân duyên. Chúng ta biết lúc lão nhân gia trụ thế, nhằm lúc người Mông Cổ làm chủ Trung Quốc; những nhân vật làm quan to, giữ chức vị trọng yếu, hiển hách đều là người Mông Cổ. Từ hoàng đế đến các quan đứng đầu địa phương hết sức tôn kính Sư. Nếu chẳng phải là bậc đạo đức chân chánh dễ gì được. A! Bây giờ đã hết thời gian rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem hành trạng một đời của ngài Trung Phong Thiền Sư. Ngài sanh vào cuối đời Tống, Sư sống qua năm đời hoàng đế triều Nguyên. Đầu tiên là Hốt Tất Liệt, tức Nguyên Thế Tổ. Thứ hai là Thành Tông Thiết Mục Nhĩ, thứ ba là Võ Tông, thứ tư là Nhân Tông, thứ năm là Anh Tông, sống suốt năm đời hoàng đế.

Năm 1313, nhằm thời đại Nguyên Nhân Tông, là đời hoàng đế thứ tư của nhà Nguyên. Năm ấy, Thừa Tướng lễ thỉnh pháp sư đến tư dinh, ta thường gọi là Tướng Phủ, khẩn khoản thỉnh thiền sư Trung Phong trụ trì Linh Ẩn Thiền Tự. Ngôi chùa này rất nổi tiếng tại Hàng Châu. Quý vị đều biết đời Tống có một vị hòa thượng rất lừng danh là trưởng lão Tế Công, Tế Công trưởng lão trụ tại chùa Linh Ẩn. Nơi đây còn giữ rất nhiều di tích về Ngài, có thể nói là đạo tràng bậc nhất của Hàng Châu. Thừa Tướng khẩn khoản thỉnh Sư về làm trụ trì. Thiền sư Trung Phong từ tạ. Trong Tướng Phủ có một số quan lớn hiện diện, lại lễ thỉnh, mọi người đều thỉnh, tợ hồ đương thời không có ai có đạo đức, được mọi người ngưỡng vọng hơn Ngài cả!

Họ lại thỉnh cầu Ngài thuận theo nguyện vọng của đại chúng, mong Ngài sẽ làm trụ trì, nhằm khôi phục lại đạo tràng này, xin Ngài đừng thoái thác. Lão nhân gia bèn nói một câu hết sức quan trọng. Ngài nói: “*Phù trụ trì giả, tu cụ tam chủng lực, thứ bất bại sự*” (phàm trụ trì thì cần phải có đủ ba lực, mới khỏi hỏng việc). Nói như bây giờ, làm trụ trì phải có ba điều kiện thì quý vị mới trở thành vị trụ trì giỏi, hộ trì chánh pháp, giáo hóa chúng sanh. Ba điều kiện gì vậy? Thứ nhất là đạo lực, thứ hai là duyên lực, thứ ba là trí lực. Ba điều kiện ấy rất trọng yếu. “*Đạo là Thể, Duyên và Trí là Dụng*”. Phải thực sự có Đạo! Thế nào là Đạo? Minh tâm kiến tánh là Đạo. Nói thật ra, lão nhân gia thực sự có đạo, ba điều kiện đều hội đủ, vì sao Ngài lại phải làm như

vậy? Nhằm giáo hóa đệ tử đời sau. Ở đây, Ngài diễn tuồng, biểu diễn, khiêm hư nói mình thiếu đạo, chẳng có trí, chẳng thể nói là không duyên. Pháp duyên của Ngài rất thanh.

Đạo là Thế, đạo là gì? Trong các chú sớ khác đã giảng rất nhiều. Đạo là thực sự thông đạt, hiểu rõ Thật Tướng của các pháp. Trong thế gian này, bất cứ hoàn cảnh nào, thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, ác duyên, thực sự chẳng nhiễm mảy trần. Kinh Kim Cang nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng... Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng... Hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng), toàn là nói về sự thật. Chẳng những pháp thế gian chẳng nhiễm trước, mà Phật pháp cũng chẳng nhiễm trước, đây là chân chánh hữu đạo! Như trong kinh luận thường hay nói “*tùy duyên nhưng chẳng phan duyên*”, tùy duyên nhưng chẳng chấp vào tướng tùy duyên. Đây là điều kiện đầu tiên. Nếu vẫn còn có một mảy vọng tướng, chấp trước chưa thể buông xuống thì sẽ không được! Làm sao anh có thể lãnh chúng? Tự mình vẫn chưa có thành tựu thì dẫn mọi người đi về đâu đây? Chẳng cáng đáng nổi địa vị ấy, trách nhiệm rất nặng!

Duyên, quan trọng nhất là pháp duyên và nhân duyên. Pháp duyên và nhân duyên tốt, làm việc dễ dàng, có người giúp đỡ, ít nhọc lòng. Nói như bây giờ là nhân lực, tài lực, vật lực thấy đều là duyên. Quý vị trụ trì một đạo tràng lớn nào, trong đạo tràng có nhiều người cùng tu một chỗ, nếu nhân lực, vật lực, tài lực khó khăn, tu hành ắt gặp chướng ngại. Nhà Phật thường nói: “*Pháp luân vị chuyển, thực luân tiên*” (bánh xe pháp chưa chuyển, bánh xe ăn đã lăn trước). Nếu quý vị ăn chẳng no, tu đạo rất nhọc nhằn. Cuộc sống khổ sở một chút không quan trọng lắm, nói chung, cốt sao ăn no, mặc ấm. Áo cũ rách một chút cũng không sao, miễn sao chống được lạnh. Trà thô, cơm nhạt, miễn sao no dạ, tâm yên, đạo thanh. Thân tâm bất an chắc chắn tu hành có trở ngại, nhất là khi tiếp dẫn kẻ sơ cơ, duyên rất trọng yếu. Xử sự, tiếp người, đãi vật phải có trí huệ; không có trí huệ sẽ chẳng thể viên dung.

Quý vị thấy lão nhân gia nói làm trụ trì phải có đủ ba điều kiện như thế, trọng yếu nhất là đạo. Đạo là Thế, duyên và trí là Dụng. “*Hữu kỳ Thế, nhi khuyết kỳ Dụng, thượng khả vi chi*” (Có Thế mà thiếu Dụng thì vẫn có thể làm được): Có đạo, nhưng duyên và trí chẳng đủ thì vẫn ổn. Khuyết điểm là “*hóa quyền bất châu, sự nghi bất bị*” (quyền giáo hóa chẳng trọn, sự nghi chẳng đủ), giáo hóa chúng sanh chẳng viên mãn lắm, chẳng thành công lắm, trật tự lo liệu mọi việc chẳng hoàn bị. Vì sao vậy? Do chẳng đủ trí, thường hay bị sơ sót, vẫn cứ phải cho qua, làm miễn cưỡng! “*Sử đạo thể ký khuy, tiện vô dị vô toán, tuy duyên dữ trí, diệc hệ vi tai*” (Nếu đạo thể đã khuyết, thì chẳng khác gì không đáng kể đến nữa. Dù có duyên và trí cũng chẳng làm gì được!). Đây là lời cảm thán, nếu đạo thể chẳng có, chưa kiến đạo, chưa ngộ đạo thì cũng chẳng đáng tính đến. Chữ “*toán*” trong câu “*vô dị vô toán*” (chẳng khác gì không đáng tính đến) là tính toán. Dù có chút duyên và trí, vẫn là vô dụng, chẳng cách nào bỏ cứu được!

Nói cách khác, hoằng pháp lợi sanh, nối tiếp huệ mạng Phật, việc ấy anh làm chẳng được. Nếu “*Thế, Dụng tịnh khuyết, nhi mao yên cư chi, viết nhân, viết quả*” (Thế, Dụng cùng khuyết, cứ mao muội nhận lãnh, nói nhân, nói quả): Đây là trách nhiệm phải gánh lấy nhân quả. Quý vị có sợ nhân quả hay không? Chẳng có Thế cũng chẳng có Dụng, duyên chẳng đủ, duyên chẳng đủ sẽ thành gì? Thành ra phan duyên!

Ngày ngày ở trong nhà vất óc, tà tri, tà kiến, nghĩ mọi phương pháp phan duyên, thật là làm lạc quá sức, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải tội!

Pháp duyên do đời trước, đời này kết thành, tự nhiên xảy đến. Nếu khởi tâm động niệm toan đi ra ngoài hóa duyên (kêu gọi quyên góp) là làm mất rồi, chẳng có đạo gì cả! Chúng ta hãy lắng lòng quan sát tổ sư đại đức Trung Quốc trong các đời, các Ngài kiến lập đạo tràng giáo hóa chúng sanh, duyên đều tự động đưa đến, đã vậy, còn sao nữa? [Các Ngài] có muốn cự tuyệt cũng cự chẳng được. Người ta thành tâm thành ý đến chỗ Ngài tu bố thí cúng dường, họ đến tu phước, tuyệt đối chẳng cần chèo kéo họ. Đối với danh vọng, hễ thật tu bèn được tiếng, chẳng phải như trong hiện tại, dùng đủ mọi phương pháp để được nổi danh, chẳng phải vậy! Người tu đạo phải làm như thế nào? Nhất định chẳng được phan duyên. Hoàng đế triệu kiến thiền sư Trung Phong mấy lượt, Ngài chẳng đến chầu!

Rốt cuộc, Thiền Sư vẫn từ khước trụ trì chùa Linh Ân. Lời Ngài vừa nói đó đáng để cho chúng ta ngày nay phản tỉnh. Nếu chính chúng ta kiến lập một đạo tràng, quý vị phải dùng tiêu chuẩn của Ngài để cân nhắc: Rốt cuộc, đối với Phật pháp, đối với xã hội, đối với chúng sanh, chúng ta có công hay có tội vậy?

Đời Nguyên Nhân Tông, tức đời hoàng đế thứ tư, năm Mậu Ngọ, tức năm 1318, tháng Chín năm ấy, Nhân Tông hoàng đế phán cùng các đại thần thân cận: Ta từng nghe đến đạo hạnh của hòa thượng Trung Phong núi Thiên Mục, đã nghe tiếng từ lâu, “*lũy dục chiêu nhi lai*” (nhiều lượt muốn xuống chiếu vời đến), “*lũy*” (累) là nhiều lần, chẳng phải chỉ một lần. Nhiều lần nghĩ xuống chiếu buộc Sư tiến kinh. Các đại thần đều nói Sư không khỏe, “*liêu mỗi vị kỳ hữu tật*” (thường viện có bị bệnh), thân thể không khỏe, không cách nào phụng chiếu được.

Quý vị xem đây, nếu người khác gặp như vậy, há còn phải đợi hoàng đế hạ chỉ? Nghĩ đủ cách để gặp mặt hoàng đế! Sư chẳng cần làm vậy, hoàng đế càng thêm tôn trọng đức hạnh của Sư. “*Tứ hiệu*” (ban hiệu), tức là phong hiệu, “*Phật Từ Viên Chiếu Quảng Huệ thiền sư*”. Bởi vậy nay chúng ta thấy trên tựa đề sách có ghi: “*Nguyên có Thiên Mục Sơn Phật Từ Viên Chiếu Quảng Huệ thiền sư Trung Phong hòa thượng*”, đó là hiệu do hoàng đế phong. Lại ban tặng Sư ca-sa, lễ vật; đã phong hiệu, lại còn ban một phần lễ vật, đặc biệt ra lệnh cho Hàng Châu Lộ (theo chế độ nhà Nguyên, gọi là Lộ, đến đời Minh và Thanh, đổi thành Tỉnh. Theo chế độ nhà Nguyên, khu vực hành chính địa phương đều gọi là Lộ. Ở đây, Lộ người đứng đầu địa phương, tương đương với tỉnh trưởng bây giờ. Ở châu Úc chúng ta là châu trưởng - governor). Hoàng đế chỉ thị “*vu lễ ngoại hộ*”, tức là sai quan viên địa phương hộ pháp, để thiền sư an tâm tu đạo trên núi.

Chuyện về Ngài rất nhiều, được khắp trong triều, ngoài nội tôn kính, ngưỡng mộ, đến thỉnh giáo, đến cầu học. Câu nào ghi trong truyện ký cũng là lời chân thật, Sư được đế vương, đại thần thuở ấy biết đến, chẳng ai sánh bằng. [Truyện ký] chép đại sư thường dạy dỗ người đến học, dạy hàng hậu học “*chỉ thượng thông ngôn, bất cầu thật ngộ*” (chỉ cốt sao nói cho lưu loát, chẳng cầu thực sự chứng ngộ) là chuyện thật. Căn bệnh này hiện tại rất phổ biến. Sư sống cách chúng ta hơn bảy trăm năm; bảy trăm năm trước Phật pháp đã suy rồi, người thực sự tu hành chẳng nhiều. Bởi thế, lão nhân gia hết sức cảm khái, nói bất luận tại gia hay xuất gia, học để làm gì? Học một chút lời lẽ thông đạt Phật pháp, thông cái gì? Thông thạo ngôn từ. Quý vị nghe cho nhiều, học cho nhiều, quý vị giảng được, chẳng cần phải thực sự chứng ngộ.

“*Thường viết kim nhật chi tham thiên bất linh nghiệm giả*” (Sư thường nói: “Nay kẻ tham Thiên chẳng linh nghiệm”), trong thời đó, người tham Thiên khi ấy đã chẳng linh. Vì sao chẳng linh? Ngài nói có ba điều, thứ nhất là “*vô cố nhân chân thật chí khí*” (không có chí khí chân thật như cố nhân). Trong thời thiên sư Trung Phong, người học Phật rất nhiều, nhưng không thực sự giống như cố nhân. Cố nhân thực sự tu tập, nhưng bất luận người tại gia hay xuất gia trong thời của thiên sư Trung Phong, nếu đem so với chúng ta hiện thời, họ còn cao minh hơn chúng ta nhiều lắm. Ta làm sao so sánh với họ được? Từ đây thấy rõ: Đúng là cứ mỗi một đời lại kém hơn đời trước. Lão tổ tông của chúng ta là Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta học Phật nhất định phải mong bằng được Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Thủ pháp hồ thượng, cần đắc hồ trung*” (Cầu lấy pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung), quý vị mới có chút thành tựu. Nếu quý vị “*thủ pháp hồ hạ*” (giữ pháp thấp thỏi), làm sao thành tựu được? Nay lão nhân gia nói vấn đề thứ nhất là “*chí khí chân thật*”, quý vị đang tu thật hay tu giả? Đây là mấu chốt để được linh nghiệm hay không linh nghiệm, thành tựu hay không thành tựu!

Thứ hai, “*chẳng coi sanh tử vô thường là một đại sự*”. Thật vậy, ngày nay học Phật, có ai vì sanh tử vô thường mà tu hành cơ chứ? Cố nhân thực sự vì điều đó. Xuất gia tu đạo vì lẽ gì? Vì đại sự sanh tử vô thường. Người hiện thời quên sạch sự kiện này, [điều này] thật đáng khiến cho chúng ta phản tỉnh sâu xa. Nếu mục đích học Phật của chúng ta là muốn danh văn, lợi dưỡng, nhắm vào ngũ dục, lục trần, thì đúng là như cố nhân đã nói: “*Kim sanh bất liễu đạo, phi mao, đới sùng đên*” (Đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đên). Sẽ mang lông đội sừng đên vào đời sau ư? Không phải vậy! Đời sau là tam đồ địa ngục. Chịu tội địa ngục mãn rồi mới mang lông, đội sừng. Nếu quý vị hỏi có tội gì ư? Phá hoại hình ảnh Phật giáo, đó là đại tội! Nói như kiểu buôn bán trong thế gian, quý vị giương chiêu bài để làm bày, quý vị khiến cho xã hội mất lòng tin nơi Phật pháp!

Trong quá khứ, chúng tôi đã từng giảng một phần kinh Đại Bảo Tích, tức là kinh Phát Khởi Bồ Tát Thủ Thắng Chí Nhạo, còn gọi là kinh Di Lạc Sở Vấn. Tôi nhớ đã giảng cả ba lượt, từng giảng một lần tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán ở Đài Bắc. Bại hoại hình ảnh Phật giáo, chướng ngại chánh pháp, quý vị thấy quả báo nói trong kinh chẳng phải là giả đâu, chẳng phải là dọa dẫm người đời, mà là sự thật đấy! Nhưng hiện thời lắm kẻ lớn mật làm càn, chẳng biết nhân quả đáng sợ, cứ bịa chuyện, đặt chuyện, rốt cuộc còn lại cái tâm gì? Giáo dục của thánh hiền và Phật, Bồ Tát chỉ là từ bi. Nhà Phật thường nói: “*Từ bi vi bản, phương tiện vi môn*” (Từ bi làm gốc, phương tiện là cửa).

Trưa hôm qua, tôi và hiệu trưởng và phó hiệu trưởng trường đại học khoa học Côn Sĩ Lan (Queensland) cùng dùng cơm, bàn luận: Môn giáo dục quan trọng nhất đối với hiện thời là giáo dục luân lý và đạo đức. Giáo dục luân lý đạo đức là gì? Dạy con người biết yêu con người, biết yêu hoàn cảnh, biết yêu hết thầy chúng sanh; nền giáo dục của thánh nhân là nền giáo dục yêu thương. Chính mình phải biết hy sinh, dâng hiến, vì hết thầy chúng sanh, vì xã hội phục vụ. Đây là điều thiếu sót nhất trong nền giáo dục hiện tại, chúng ta phải nỗ lực đi theo phương hướng ấy. Các ông hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều rất tán đồng, họ mời chúng tôi đến trường tham quan. Trường họ có hơn ba vạn sinh viên. Người học Phật và không học Phật chẳng biết

liều sanh tử, xuất tam giới. Người học Phật phải lấy việc này làm việc lớn nhất, cả một đời chúng ta chỉ vì việc này.

Điều thứ ba là: *“Vứt bỏ những thói quen, những điều mình quen thói coi trọng từ bao kiếp đến nay chưa được”*. Câu này chúng tôi diễn tả cách khác cho mọi người dễ hiểu: Từ vô thủy kiếp đến nay, những tập khí bất thiện quý vị chưa buông xuống được!

Đây chính là ba nguyên nhân khiến cho quý vị tham Thiền chẳng linh nghiệm, niệm Phật chẳng thể đạt Nhất Tâm, tu bất cứ pháp môn nào cũng chẳng thể thành tựu. Tiếp đó, Sư lại nói: *“Hựu bất cụ cửu viễn bất thoái chuyển thân tâm”* (Lại chẳng đủ thân tâm bất thoái chuyển lâu dài). “Cụ” (具) là trọn đủ. Quý vị chẳng đầy đủ, chẳng có! Chẳng có điều gì? Chẳng có tâm dài lâu, chẳng có tâm bất thoái chuyển. Tâm bất thoái chuyển dài lâu ấy là tâm dũng mãnh, tinh tấn, quý vị không có, bởi thế chẳng thể thành tựu. Căn bệnh là đây.

Tiếp đó, Sư lại nói, nói rất hay! *“Tất cánh bệnh tại ư hà, kỳ thật bất thức sanh tử căn bản cố”* (Rốt cuộc là bệnh ở đâu, thật ra là do chẳng biết cội rễ sanh tử vậy). Đúng là thiền sư nói một lời vạch trần hết cả; quý vị chẳng hiểu rõ cội rễ sanh tử, nên từ trước đến nay quý vị chưa từng nỗ lực thực sự học tập. Cội rễ sanh tử là gì? Trong những lời khai thị nơi tác phẩm Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự của lão nhân gia có nói; trong phần khai thị của thiên thứ nhất, Sư giảng rất rõ ràng, trong truyện ký cũng có nói. Chúng tôi đem đoạn văn đó đối chiếu phần khai thị trong Hệ Niệm Pháp Sự, thấy đúng là khẩu khí của lão nhân gia, những khai thị ấy do chính Ngài soạn, chứ không phải do người khác viết.

Chúng ta cũng nên đọc qua một lượt đoạn văn ấy: *“Phù căn bản giả, tánh chân viên minh, vốn vô sanh diệt vãng lai chi tướng”* (Căn bản ấy chính là tánh thực sự viên minh, vốn chẳng có tướng sanh diệt, qua lại), nói thật ra, chẳng dễ hiểu cho lắm. Đây là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát, minh tâm kiến tánh là Pháp Thân Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của người tầm thường. Thế nào là căn bản? Căn bản là tâm tánh, minh tâm kiến tánh là căn bản, tánh thực sự viên minh, vốn không sanh diệt. Cái tướng sanh diệt đến đi ấy chẳng hề có! Bất sanh bất diệt, chẳng đến chẳng đi. Đến, đi (khứ, lai) là quá khứ, vị lai; chẳng những không có thời gian, mà cũng chẳng có không gian. Hiện thời, khoa học mới chậm chạp phát hiện điều này, cư sĩ Chung Mậu Lâm từng diễn giảng tại đây cho chúng ta nghe rồi, các vị đồng học đều đã nghe những gì khoa học phát hiện rồi đó.

“Luong do bất giác, miết khởi vọng tâm, mê thất bản nguyên, hư thọ luân chuyển” (Do vì bất giác, thoát khởi vọng tâm, mê mất cội nguồn, luống chịu luân hồi), đây là lời giảng vì sao phàm phu cứ luân lạc mãi cho đến nay như thế. Nhất niệm bất giác sanh khởi vô minh. Vọng tâm là vô minh, mê mất cội nguồn (tức bản tánh), mê mất bản tánh, hóa thành luân hồi lục đạo, tự làm tự chịu. Bởi vậy, nói *“mê chi tắc sanh tử thi”* (mê thì sanh tử bắt đầu). Sanh tử bắt đầu tức là có sanh tử; ngộ thì luân hồi bèn dứt. Chân tướng của sanh tử luân hồi nói gọn trong một câu: *“Cái căn hồ mê, nhi bản hồ vọng dã”* (Là do mê căn mà làm bản; hoặc: do mê căn nên bản biến thành vọng). Về cơ bản, mê nơi căn, do mê nơi căn bản khiến tâm tánh biến thành vọng thức.

Kế đó là mấy câu cũng rất quan trọng: *“Đương tri sơn, hà, đại địa, minh, ám, Sắc, Không, Ngũ Âm, Tứ Đại, chỉ ư động, bất động pháp, giai thị sanh tử căn bản”* (Phải biết núi, sông, đại, địa, sáng, tối, Sắc, Không, Ngũ Âm, Tứ Đại, cho đến pháp

động hay bất động, đều là cội gốc sanh tử). Ai biết được điều này? Chẳng phải người chân tu thật chứng sẽ chẳng thể biết được. Chuyện này ở ngay trước mắt, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng hề tách rời, nhưng phần lớn chúng ta cứ sống trong mê hoặc điên đảo. Tướng của mê là gì? Là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Mấy lời đại sư nói chúng ta phải hiểu rõ: Núi, sông, đại địa, sáng, tối, Sắc, Không, Ngũ Âm, Tứ Đại, pháp động và bất động đã được đức Phật giảng rất thấu triệt trong kinh Lăng Nghiêm. Hễ ngộ thì [những cảnh giới ấy] sẽ biến thành cảnh giới Hoa Nghiêm, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại; mê thì chúng đều là căn bản sanh tử.

Thưa cùng quý vị, pháp chẳng có mê hay ngộ. Như nhà khoa học Giang Bản Thắng (Masaru Emoto) của Nhật Bản đã làm những thí nghiệm với nước, nước không có mê hay ngộ. Các pháp núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, ngũ âm v.v... chẳng có mê hay ngộ. Thiên ý, năng lượng tốt của chúng ta tác dụng vào chúng, khiến chúng bèn lập tức có phản ứng, có phản ứng tốt đẹp vô cùng. Nếu chúng ta dùng ác ý, ác niệm tác động lên chúng, chúng phản ứng xấu tệ vô cùng. Chúng chẳng hề phân biệt, chấp trước, do đâu mà như thế? Pháp tánh! Pháp tánh là chân tánh. Làm lạc là do chính ta tự mê, mê rồi thì hết thấy vạn sự, vạn vật đều biến thành căn bản sanh tử.

Bởi thế, thiên sư nói: *“Nhược bất tăng hướng chân thật pháp trung, thoát nhiên siêu ngộ”* (Nếu chẳng từng hướng đến pháp chân thật để giải thoát, đốn ngộ). Câu này rất quan trọng: Phải từ pháp chân thật, Thoát (脱) là giải thoát, Siêu (超) là siêu việt, thì quý vị mới thực sự ngộ. *“Tiện ư ngộ ngoại, biệt lập sanh nhai, bất tổn khoa cử”* (Lại tìm riêng cách sanh nhai ngoài Ngộ, chẳng phải là vẫn giữ nguyên nếp sai lầm cũ ư?) Đây là Pháp Thân Bồ Tát, là Nhất Chân Pháp Giới. Nhưng ở đây, quý vị phải lưu ý! Nếu quý vị chưa đoạn sạch phiền não tập khí thì trong cảnh giới nào quý vị cũng sẽ lại khởi tâm động niệm, giống như trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói: *“Tri kiến lập tri, thị vô minh bản”* (Từ trong tri kiến lại lập ra một tri kiến nữa, bèn là cái gốc của vô minh), quý vị vẫn chẳng thể siêu việt. Có như vậy quý vị mới thực sự thấu hiểu vì sao ngộ nhập cảnh giới chân thật khó khăn đến thế! Chúng tôi thường nói thuận tịnh, thuận thiện, trong ấy chẳng được lẫn mảy may bất tịnh bất thiện gì; hễ có mảy may bất thiện bất tịnh thì là trật rồi.

Vì thế, ở đây đại sư khuyên dạy chúng ta: *“Duy hữu thống dĩ sanh tử đại sự vi kỳ trọng nhiệm giả, tử tận thâm tâm, phương kham thấu đạt. Trục hạ thắng tồn hào phát hứa thiện, ác, thủ, xả, ái, tăng, đoạn, tục chi kiến, tặc chi diệt sanh hỷ, khả bất tận hò!”* (Chỉ nên đau đầu lấy đại sự sanh tử làm trách nhiệm nặng nề của chính mình, chết sạch cái tâm qua quýt, cầu may, chụp giựt, thì mới hòng cập bến (ý nói: An tâm tu đạo). Nếu như còn chùng bằng mảy tóc thấy có thiện, ác, lấy, bỏ, yêu, ghét, đút, nôi, thì cành lá lại sanh, há chẳng nên cẩn thận ư?) Câu này hết sức trọng yếu. *“Hào phát hứa”* (còn chùng bằng mảy tóc) tức là còn một chút xíu, trong tâm quý vị vẫn còn tí tẹo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng hạn như: Làm lành chớ chấp vào lành; có làm lỗi, tự mình làm lỗi, hoặc thấy người khác làm lỗi, đều chớ vương bận nơi lòng. Vì sao vậy? Trong chân tánh chẳng có thiện - ác, chẳng có thị - phi, chẳng có tà - chánh, chẳng có sanh - diệt, chẳng có đến - đi, chẳng có trước - sau. *“Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần”*. Bụi bặm là tỷ dụ, mảy may bất tịnh bất thiện cũng không có!

Nói thiện hay nói ác đều là phương tiện thiện xảo nhằm giúp chúng sanh quay đầu; bởi lẽ, nếu nói sự thật với họ, họ không hiểu, họ mê càng sâu hơn. Vậy thì, với

kẻ mê, nói theo chuyện mê, đó là tùy thuận Tục Đê. Lời khai thị của đại sư ở đây là tùy thuận Chân Đê. Chân Đê là thanh tịnh tịch diệt, trong Tục Đê mới có thị - phi, thiện - ác. Vì sao? Vì quý vị chẳng lìa phân biệt, chấp trước. Chẳng lìa phân biệt, chấp trước thì phải nói lời phân biệt, chấp trước với quý vị; nếu lìa phân biệt, chấp trước thì nói lời chân thật cùng quý vị.

Năm Quý Hợi (1323) đời vua Anh Tông, vừa tròn đúng một Giáp Tý, tức năm sáu mươi một tuổi, Sư vãng sanh nhằm ngày Mười Bốn tháng Tám. Ngài ngồi viên tịch, lúc Ngài muốn viết chữ, ngồi bên bàn bèn mất, hy hữu thay! Nếu quý vị muốn hiểu tường tận, xin đọc Thiên Mục Trung Phong Hòa Thượng Quảng Lục, quyển cuối cùng. Thiên cuối cùng là truyện ký về Ngài, pháp đệ đồng học của Ngài là thiền sư Tổ Thuận viết thiên ấy, quý vị có thể tự xem.

Trong hai tiếng đồng hồ vừa qua, chúng tôi đem lược truyện của Trung Phong Thiền Sư giới thiệu đơn giản với quý vị. Buổi học sau, chúng ta sẽ chánh thức bước vào Hệ Niệm Toàn Tập.

Tập 02

B. Giải thích đề mục

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem đề mục Hệ Niệm Pháp Sư. Đề mục tổng cộng mười chữ: “**Trung Phong Hệ Niệm Pháp Sư Tam Thời Toàn Tập**” (中峰繫念法事三時全集). Bản tôi dùng ở đây là bản in của Hoa Tạng Đồ Thư Quán, tục ấn⁶ năm Dân Quốc 79 (1990). Tôi dựa theo cách đánh số trang trong bản in này, có những bản in khác có số trang hơi khác, bất quá đại khái cũng tương đồng.

Trung Phong là pháp hiệu của thiền sư Minh Bồn đời Nguyên, ở trên tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi. Ngài là một vị đại đức rất phi thường, hữu tu, hữu chứng, hữu đức, hữu học. Qua truyện ký, chúng ta đã thấy sự tích cả một đời của lão nhân gia, đúng là khiến người ta cảm thấy năm vóc gieo sát đất. Tác phẩm Hệ Niệm Pháp Sư do vị đại đức nhà Thiền này soạn ra, ý nghĩa rất sâu. Thừa cùng quý vị! Phật pháp đến tới hậu vẫn phải là cầu sanh Tịnh Độ, điều này Ngài khai thị rất rõ rệt! Do đây, ta có thể thấy được sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ. Huống chi kinh Hoa Nghiêm, là một bộ kinh được lịch đại cao tăng đại đức Trung Quốc công nhận là bản kinh đệ nhất của nhà Phật, là pháp luân viên mãn, đến cuối kinh, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Tông môn đến cuối cùng cũng cầu vãng sanh, quý vị chỉ cần đọc Thiền Môn Nhật Tụng sẽ thấy rành rành. Phương pháp tu hành này hiển thị rõ trí huệ tối cao.

Bản Hệ Niệm Pháp Sư Tam Thời Toàn Tập này lợi ích kẻ âm lẫn người dương. Nếu coi [việc tụng niệm] bản [nghi thức] này như chuyện kinh sám Phật sự, miệng có, tâm không, thì trật mất rồi! Chúng ta phải coi nó như là khóa tụng cần phải tu tập.

“*Hệ niệm*”: Khi La Thập đại sư dịch Phật Thuyết A Di Đà Kinh, đã dịch ý chữ này; bởi thế, trong kinh vẫn có những câu như “*nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo*”. Trong quá khứ, tôi cũng đã từng nghe có người nói: “Nhất tâm bất loạn, bọn

⁶ Tục ấn: lần in thứ hai, thứ ba v.v... sau lần in đầu tiên.

phàm phu chúng ta chẳng thể làm được; bởi thế, đối với pháp môn này bèn nảy sanh ngờ vực, chẳng dám đảm đương”. Nhưng kinh A Di Đà còn có bản dịch của Huyền Trang đại sư. Huyền Trang đại sư dịch thẳng, chiếu theo bản tiếng Phạn mà dịch thẳng ra. Trong bản Phạn ngữ có mười phương Phật, bản của La Thập đại sư chỉ có sáu phương Phật, cho thấy La Thập đại sư đã dịch rút gọn. Trong bản Huyền Trang, “nhất tâm bất loạn” được dịch là “nhất tâm hệ niệm”. Nếu nói “nhất tâm hệ niệm” thì phàm phu có thể làm được, chứ mức độ nhất tâm bất loạn thì cao quá.

Nếu chúng ta hỏi: La Thập đại sư có dịch sai nghĩa chăng? Thưa cùng quý vị, chẳng bao giờ sai! Phàm là người vãng sanh, nhất định phải niệm đến nhất tâm hệ niệm, lúc lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, lúc tiếp dẫn quý vị, nhất định Phật phải phóng quang. A Di Đà Phật phóng quang, Phật quang chiếu gọi; Phật quang vừa chiếu, công phu của quý vị được nâng cao, từ Nhất Tâm Hệ Niệm đạt đến Nhất Tâm Bất Loạn. Vì thế, đại sư La Thập chẳng hề dịch lầm. Đích thực là đại sư thấy vấn đề này rất rõ ràng, rất minh bạch!

Chữ “niệm” (念) trong văn tự Trung Quốc thuộc loại hội ý. Quý vị thấy ở trên là chữ Kim (今), dưới là chữ Tâm (心); nghĩa là trong cái tâm hiện tại có Phật. Trong tâm phải có thì mới gọi là Niệm. Chẳng phải là quá khứ có, chẳng phải là vị lai có, mà là “kim” (nay), hiện tại có, đó gọi là Niệm. “Hệ niệm” là niệm niệm chẳng bỏ.

“Tam thời”: Trong pháp sự có đệ nhất thời, đệ nhị thời, đệ tam thời. Ở Ấn Độ vào thời cổ, một ngày đêm được chia thành ngày ba thời, đêm ba thời. Do đây biết rằng, phải hiểu nghĩa chữ “tam thời” theo nghĩa rộng, tức là ngày đêm chẳng biếng nhác.

“Pháp” là phương pháp, “Sự” là chuyên cầu vãng sanh Tịnh Độ. Hiện tại, mọi người tu pháp sự này, dùng chữ “tam thời” theo nghĩa hẹp. Ở Trung Quốc, chia ngày đêm thành mười hai thời thân: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Một thời thân bằng hai giờ hiện thời. Nếu để giúp người khác, như các vong linh được nhắc đến trong bản này, thì cả hai nghĩa rộng và hẹp đều dùng được, hoàn toàn phụ thuộc vào thời tiết, nhân duyên.

“Pháp”: Trung Phong quốc sư vì chúng ta chế định pháp bản này, chiếu theo pháp bản này để tu pháp sự cầu vãng sanh, pháp sự ở đây là cầu vãng sanh. Bản này gồm ba thời hoàn chỉnh nên gọi là “toàn tập”. Quý vị hãy xem chữ “tập”; Tập nói như bây giờ là bản hội tập. Pháp sự này do Trung Phong quốc sư hội tập. Quý vị thấy đó, nội dung gồm tán tụng, có Hương Tán, có kệ Tán Phật, có tán Phật, có tụng kinh, có kinh A Di Đà, có niệm chú, có chú Vãng Sanh, có lễ bái, có sám hối, có hồi hương. Tu pháp (cách thức tu tập) rất viên mãn, ý nghĩa tương đồng với Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát. Trong Vãng Sanh Luận, Thiên Thân Bồ Tát nói đến Ngũ Niệm pháp môn, bản Hệ Niệm này cũng là ngũ niệm pháp môn. Tu hành Tịnh Độ là phương pháp tốt đẹp, trong ấy có khai thị. Chúng tôi đề xướng bản này đã mấy năm, mọi người đều rất thông thuộc. Trong nghi quỹ, có phần chúng tôi tinh lược⁷, và trong Tam Thời có phần nào trùng lặp, chúng tôi chỉ giảng một lần là đủ, làm như vậy sẽ tiết kiệm thời gian.

⁷ Trong nghi quỹ trước khi vào Đệ Nhất Thời, có những phần tụng Tâm Kinh, tụng các chú Khai Yết Hầu, Thí Thực, Thí Thủy... Hòa Thượng lược đi không giảng.

C. Chánh thức giảng vào kinh văn

1. Hương Tán

*Giới định chân hương,
Phân khởi xung thiên thượng,
Đệ tử kiên thành,
Nhiệt tại kim lư phóng,
Khoảnh khắc nhân uân,
Tức biến mãn thập phương.
Tích nhật Da Thủ,
Miễn nạn tiêu tai chướng.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.*

戒定真香
焚起衝天上
弟子虔誠
薰在金爐放
頃刻氤氳
即遍滿十方
昔日耶輸，
免難消災障。
南無香雲蓋菩薩摩訶薩

*(Giới định chân hương,
Đốt xông tận trời thăm,
Đệ tử dốc lòng thành,
Thắp đặt trong lư vàng,
Khoảnh khắc khói bốc cuộn cuộn,
Tỏa khắp mười phương,
Xưa bà Da Du,
Thoát nạn tiêu tai chướng.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát).*

Đoạn thứ nhất là Hương Tán. Ở đây, đại sư vì chúng ta kết tập bài “Giới Định Chân Hương”, dùng bài Hương Tán này. Vì sao chẳng dùng bài “Lư Hương Tán”? Bài Lư Hương Tán phổ biến nhất; vì sao dùng bài Giới Định Chân Hương? Cả đời đại sư dạy người chú trọng đức hạnh. Ngài sống cách chúng ta hơn bảy trăm năm, hơn bảy trăm năm, Sư cảm nhận sâu xa phong hóa thế gian ngày một suy đồi, hàng đệ tử Phật môn (chỉ người xuất gia tu hành) chân tu đã ít ỏi lắm rồi. Sáng hôm nay, tôi đã giới thiệu ngắn gọn, đơn giản về Ngài rồi, quý vị đã nghe qua. Vì đâu tham Thiền chẳng được lợi ích, Sư giảng vì đâu tham Thiền chẳng linh? Vì sao chẳng bằng cổ nhân? Có nguyên nhân cả, ta phải tìm cho ra nguyên nhân. Bởi thế, trong phần Hương Tán, chúng ta đừng nghĩ Ngài tùy tiện dùng bài Giới Định Chân Hương đây nhé, có dụng ý rất sâu đấy!

Pháp sám hối xuyên suốt toàn bộ sự tu hành trong Phật pháp, bất luận là Tông Môn, Giáo Hạ, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, không một hạnh môn nào chẳng phải là pháp sám hối! Sám hối phải có thành ý, phải có hành động, chẳng phải là miệng nói xuông, miệng nói xoèn xoét chẳng ích gì! Vậy, rốt cuộc phải sám hối theo cách nào? Phải y giáo phụng hành, quý vị tích cực nỗ lực làm theo mọi điều Phật, Bồ Tát dạy dỗ, đó là chân sám hối! Chúng tôi thường nhắc mọi đồng học phải cùng gắng sức dốc công gạt bỏ tập khí vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, triệt để buông xuống, chẳng để có mảy may xen tạp, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Đó là đại sự sanh tử! Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta luân hồi trong lục đạo chẳng thể giải quyết được vấn đề, chúng ta phải giác ngộ, phải hiểu rõ.

Điều này thật chẳng dễ dàng gì! Nhà Phật thường nói: “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”, một đời này gặp được Phật pháp; gặp được Phật pháp là gặp cơ hội để liễu sanh tử, xuất tam giới. Gặp được cơ hội chớ coi thường, bỏ lỡ, nhất định phải ghi chặt lấy, trong một đời này quyết định thành tựu, chẳng bị luân hồi nữa. Tùy thuận tập khí phiền não là tạo luân hồi, vẫn luân hồi trong sáu nẻo y như cũ. Đây là điều Quốc Sư trông thấy, rất mực cảm thán; đây là một nhân tố quan trọng khiến công phu tu hành chẳng đắc lực. Trong suốt cuộc đời dạy dỗ của lão nhân gia, Ngài thường cảnh tỉnh “*sanh tử sự đại*”. Phải biến sự việc này thành một sự lớn lao nhất mà chúng ta phải thực hiện trong một đời này thì chúng ta mới được cứu. Bởi thế, mở đầu [Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự], Ngài chọn bài Giới Định Chân Hương.

Quý vị hãy xem [ý nghĩa của] danh tự, thế nào là Chân Hương? Giới và Định là Chân Hương, nói thật đây, chẳng phải giả đâu! Ngay trong thời đại chúng ta đây, những năm trước đây, không lâu mấy; chúng tôi không được thấy sự việc trong nửa thế kỷ trước, nhưng có rất nhiều người thấy, chúng tôi nghe đích thân họ kể lại. Hư Vân lão hòa thượng tu Giới, tu Định, chân tu. Lão hòa thượng cả năm tắm một lần, cạo tóc một lần; bởi vậy, chúng ta thấy rất nhiều ảnh chụp tóc Ngài rất dài. Quý vị xem tóc Ngài dài như thế mà một năm mới cạo tóc một lần, tắm một lần, cổ áo Ngài ghét (hòm) đóng dày cộp, đen thui, nhưng thơm tho, không hề khó ngửi chút nào. Đây là Giới Định Chân Hương, thân tỏa mùi thơm.

Ngoài ra còn có vị Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn), Ngài sống suốt hai mươi mấy năm Dân Quốc, rất tiếc là khi ấy chúng tôi còn nhỏ tuổi quá, không biết Ngài. Suốt đời, Kim Sơn Hoạt Phật không rửa ráy, tắm gội. Trên thân khoác một bộ quần áo, bộ quần áo ấy chưa hề được giặt giũ. Suốt đời chưa từng giặt quần áo, Ngài cũng chưa từng tắm gội, trên thân tỏa mùi thơm. Đó là Giới Định Chân Hương.

Chúng ta thắp một cây nhang, phải tưởng đó là Giới, phải tưởng đó là Định. Hương tượng trưng cho Pháp. Đệ tử Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, cúng Phật nhất định phải thắp nhang, phải đốt đèn, phải dâng nước. Đó là ba thứ vật cúng đơn giản nhất để cúng Phật, Bồ Tát; bớt đi những thứ khác không ăn nhằm gì, nhưng những thứ trên không thể bớt được! Hương tượng trưng cho gì? Hương tượng trưng cho Giới, Định; thấy hương, nghe mùi hương, phải tưởng Giới Định. Chư Phật, Bồ Tát tu Giới, tu Định thành tựu. Giờ đây, các Ngài cũng dạy chúng ta như thế.

Đăng (đèn) tượng trưng cho ánh sáng trí huệ, ngụ ý đốt mình soi sáng người khác. Trí huệ chẳng phải là Tự Thọ Dụng, mà là Tha Thọ Dụng. Trí huệ do đâu mà có? Trí huệ phát xuất từ Giới, Định. Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ.

Nước tượng trưng cho tâm tánh. Tất cả hết thảy vật cứng khác đều chẳng cần thiết lắm, bởi lẽ hiện tại cuộc sống con người bước vào thời đại công nghiệp, nhà cửa (đặc biệt là tại đô thị) quá nửa sống trong chung cư (apartment). Một tòa cao ốc có cả mười gia đình sống, có tòa nhà cả trăm gia đình sống. Nhà càng dựng về sau càng thấp lẽ tề. Vì sao vậy? Để tiết kiệm năng lượng. Mùa Đông mở máy ấm, mùa Hè mở máy lạnh, bởi thế trần nhà càng thấp, phòng ốc cũng hẹp hơn để tiết kiệm năng lượng. Gian phòng thấp như thế, chúng ta vói tay là đụng trần nhà rồi. Bởi thế, nếu thờ Phật ở nhà, nói chung phải thờ tượng Phật nhỏ, đương nhiên đốt nhang chẳng thích hợp.

Hương đốt, đèn dầu, nến đều chẳng thích hợp, vì sao vậy? Chúng có chất muối (bồ hóng), muối dầu làm đen nhà. Nhà cửa hẹp quá, chẳng như tự viện điện đường rất lớn, không khí lưu thông, nhà cao, nên chẳng có vấn đề gì. Bởi thế, hiện tại ở chung cư [cúng hương, đèn] chẳng thích hợp lắm, tốt nhất là cúng nước. Nước rất quan trọng, nó tượng trưng thanh tịnh bình đẳng. Tâm ta trong sạch như nước, bình đẳng hết như nước. Nước biểu thị những ý nghĩa đó. Trong hết thảy thờ, hết thảy chỗ, phải luôn giữ được thanh tịnh - bình đẳng - giác, chỉ cần tâm thanh tịnh tự nhiên sẽ có trí huệ, Giác là trí huệ.

Vật cúng nhằm biểu thị pháp, nước chẳng phải để cho Phật, Bồ Tát uống; phải hiểu ý nghĩa này. Chén cúng tốt nhất là dùng thứ trong suốt, biểu thị ý nghĩa vô cùng sáng rõ. Ngoài chén có thể nhìn thấy nước trong sạch đựng bên trong. Chớ nên cúng trà, trà có màu, chẳng trong sạch, phải cúng bằng nước. Bởi thế, hiểu được ý nghĩa biểu thị pháp thì mỗi khi trông thấy chén nước cúng, liền nghĩ tâm ta phải thanh tịnh, phải bình đẳng. Từ việc cúng nước phải biểu lộ được ý nghĩa của pháp được biểu thị. Bất luận nơi đâu, hễ trông thấy nước, như lúc quý vị đang khát, uống một chén nước, thấy nước bèn nghĩ đến “thanh tịnh - bình đẳng - giác”. Giáo học Phật pháp dùng phương pháp này để thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chúng ta, vừa trang nghiêm lại vừa đẹp mắt, lại bao hàm ý nghĩa thật phong phú.

“*Giới định chân hương*”: Đây là lúc thắp hương.

“*Phần khởi xung thiên thượng*”: Hương vừa thắp lên, khói hương bốc tận trời. “*Xung thiên thượng*” (xông lên trời) là mong cầu cảm ứng. Chư Phật, Bồ Tát, thiên thần đều ở phía trên chúng ta. Phía dưới có chăng? Có! Phía dưới là hạ phương thế giới. Vì thế, đối với chữ “*thiên thượng*” ở đây, chúng ta phải hiểu nó hoàn toàn chẳng chỉ có nghĩa là phương trên, mà còn có nghĩa là pháp giới. Như trong kinh Hoa Nghiêm, [nói] Thiện Tài tham học năm mươi ba lần, thiện tri thức đều ở phương Nam là có đạo lý đấy! Chúng ta sống tại Bắc bán cầu, phương Nam của Bắc bán cầu thuộc Hỏa, phương Nam là gì? Là xích đạo, là nhiệt đới. Phương Bắc là hàn đới. Phương Bắc là nước, phương Nam là lửa. Lửa tượng trưng cho quang minh. Bởi thế “phương Nam” chẳng phải là phương vị, mà có nghĩa là quang minh. Phạm những nơi thiện tri thức cư ngụ đều gọi là phương Nam, ở bất cứ phương hướng nào cũng đều gọi là phương Nam cả. Phạm thành đô nào có thiện tri thức cư ngụ đều gọi là Phước Thành cả. Vì sao vậy? Vì có thiện tri thức. Có thiện tri thức thì địa phương ấy có phước, nên gọi là Phước Thành nhằm biểu thị ý nghĩa pháp.

Bởi thế, chôn “*thiên thượng*” ở đây không có nghĩa là phương trên, chẳng biểu thị phương vị phía trên, chẳng ngụ ý như thế, mà có nghĩa là thượng phương tôn kính, phương trên tôn kính nhất của chúng ta. Ở “*thượng phương*” đó, chư Phật, Bồ Tát đang ở. Chúng ta đọc kinh A Di Đà, Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, đâu đâu đều

có Phật, Bồ Tát. Dùng chữ “*thiên thượng*” để biểu thị ý tôn kính của chúng ta. “*Phần khởi xung thiên thượng*” là mong cầu cảm ứng.

“*Đệ tử kiên thành*”: Người tu hành theo Hệ Niệm Pháp Sự, chúng ta đối với Phật, Bồ Tát xưng là “*đệ tử*”; Phật, Bồ Tát là thầy, là thiện tri thức của chúng ta. Đạo thầy trò cốt ở “*kiên thành*”. Ấn Quang đại sư giảng rất hay: “*Nhất phần thành kính tức nhất phần cảm ứng, thập phần thành kính tức thập phần cảm ứng*” (Một phần thành kính là một phần cảm ứng, mười phần thành kính bèn được mười phần cảm ứng). Khi xưa, thầy Lý dạy tôi như vậy. Chúng ta dùng tâm tư thái độ nào để học tập thì mới đạt được lợi ích chân chánh? Chúng ta kém cổ nhân rất xa, đừng nói đến thời cổ, chỉ sánh với Trung Phong quốc sư, chúng ta làm sao sánh bằng Ngài được? Ngài chỉ mười lăm tuổi, chẳng những dốc chí nơi việc học, lại còn dốc chí nơi đạo; so với học, đạo lại cao hơn một tầng. Quý vị xem trong truyện ký thì thấy đêm ngày Ngài siêng gắng nơi pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Đúng là dũng mãnh tinh tấn như kinh điển đã nói, đêm ngày chẳng ngưng nghỉ. Kinh điển sách vở Nho - Thích - Đạo ba tông, Ngài đều xem cả, căn bản rất sâu dày.

Năm hai mươi bốn tuổi Ngài khai ngộ. Tuy chưa phải là triệt ngộ, chúng tôi nói đến tiểu ngộ, đại ngộ; thế nào là đại ngộ? Kinh điển, sách vở thế gian, xuất thế gian Ngài đều có thể dung hội, quán thông, chân chánh khai ngộ. Thiên sư Cao Phong Diệu ấn chứng cho Ngài vào năm hai mươi bảy tuổi, Ngài xuất gia năm hai mươi lăm tuổi. Chúng ta không cách chi sánh bằng Ngài được! Tự mình phải biết hổ thẹn, phải biết gắng sức. Trung Phong quốc sư chỉ cho chúng ta biết chứng bệnh tu hành chẳng đắc lực là vì đâu? Ngài nói rất hay, nhưng trong đó trọng yếu nhất là “*chẳng biết sanh tử là việc lớn*”. Trong các nhân tố, nó trọng yếu nhất, nhưng ta lại coi thường nó! Bởi thế, chẳng có tấm lòng chân thành học đạo như cổ nhân. Ấn Quang đại sư bảo người như vậy là không có thành ý, làm sao thành tựu được? Không có thành ý, không biết sanh tử là việc lớn, đã thế còn chẳng chịu buông bỏ tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay, đó là đại chướng ngại!

Tôi thường khuyên lơn các đồng học, mỗi một người chúng ta, đặc biệt là người hiện thời, “*tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*”, tôi nói mười sáu chữ này quý vị phải thực sự buông xuống. Trung Phong quốc sư nói rất hay, chẳng những phải thực sự buông xuống, mà còn phải buông sạch sành sanh, may mắn nào cũng chẳng giữ lại, tiêu chuẩn của lão nhân gia là như vậy. Chỉ cần có chút may mắn nào, quý vị khó lòng thành tựu. Triệt để buông xuống thì chúng ta mới có chút tiến bộ nơi Bồ Đề đạo. Những thứ căn bản chướng đạo ấy nếu quý vị chẳng dẹp trừ, sẽ vĩnh viễn bị loại ra ngoài cửa Phật, chẳng bước vào cửa được!

Chúng ta phải thường tự suy nghĩ, ngày ngày phản tỉnh vì sao chẳng buông xuống được? Phải chiếu theo lời Trung Phong quốc sư thuyết pháp! Nói cách khác là tham sống sợ chết. Tham sống, chẳng sống hoài được; sợ chết, chẳng thể tránh khỏi được. Thực sự chịu buông xuống thì cả sống lẫn chết đều xong, sau đây mới dần dần cầu thông đạt Phật pháp. Bởi thế, hai chữ “*kiên thành*” này hết sức trọng yếu: Quý vị phải có thành ý. Trong lúc quý vị cắm vào lư hương, hương cháy trong lư: “*Nhiệt tại kim lư phóng*”.

“*Khoảnh khắc*”: Rất nhanh chóng.

“*Nhân uân*”: Diễn tả khói hương bốc cuộn cuộn, sau khi đốt hương xong, đàn hương này – toàn là nói đàn hương – khói hương xông mù mịt.

“*Tức biến mãn thập phương*” (liên trọn khắp mười phương): Ở trên đã nói là “*phần khởi xung thiên thượng*”, “*thiên thượng*” là “*biến mãn thập phương*”. Chữ “*phương*” ở đây chỉ mười phương chư Phật, Bồ Tát. “*Thiên thượng*” có nghĩa như thế đây. Tiếp đó, bài kệ nêu lên một công án:

“*Tích nhật Da Thủ, miễn nạn tiêu tai chướng*”: Bà Da Thủ Đà La (Yasodharā) là phi tử của Thích Ca Mâu Ni. Vì sao lại nêu tên bà? Vì Giới Định. Thích Ca Mâu Ni Phật quyết định muốn xuất gia, phụ vương bảo: “Ngươi muốn xuất gia thì phải có con để lại rồi mới được xuất gia. Ngươi xuất gia rồi, gia tộc ta bị đứt dòng ư?” Ngay lúc đó, Thích Ca Mâu Ni Phật bèn chỉ vào phi tử Da Thủ Đà La, nói: “Nàng đã mang thai!” Da Thủ Đà La nghe lời ấy rung mình một cái, quả thật bà đã hoài thai; sáu năm sau mới sanh La Hầu La. Bởi thế, đương thời rất nhiều người hoài nghi La Hầu La (Rāhula) chẳng phải là con của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chồng bà Da Thủ Đà La đã bỏ đi cả sáu năm rồi, sao [bây giờ] mới sanh đứa bé này? Bởi thế, họ hủy báng, phê bình, đơm đặt đủ chuyện hết sức khó chịu. Bà Da Thủ Đà La bèn bồng đứa bé, phát thệ: “Nếu quả thật đứa bé này là con Thích Ca Mâu Ni Phật, hai mẹ con chúng tôi nhảy vào hầm lửa sẽ chẳng bị lửa thiêu!” Bà làm như thế, quả nhiên cả hai mẹ con an nhiên vô sự trong lửa hừng. Khi đó mọi người đều tin, mọi lời đồn nhảm cũng chấm dứt. Giới Định Chân Hương đây! Bởi thế “*miễn nạn tiêu tai chướng!*” Phụ vương cha bà cũng tin tưởng, trong là gia tộc, tức vương tộc, ngoài là nhân dân, toàn quốc thấy sự kiện ấy, mọi người chẳng dị nghị nữa! Đây là một mẫu chuyện về cuộc đời của tôn giả La Hầu La. Đây là sự cảm ứng của Giới Định. Tiếp đó, xung ba lần:

“*Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát*”.

Nam-mô là tiếng Phạn, nghĩa là quy y, quy mạng. Hương Vân Cái là tỷ dụ khói hương kết thành lọng báu trên không trung. Bồ Tát là Giác Hữu Tình, Ma Ha Tát là đại Bồ Tát. Hương Vân tượng trưng cho Giới Định, Giới Định giác ngộ hết thấy hữu tình chúng sanh, Hương Vân mang ý nghĩa như vậy.

Hương Vân Cái chẳng phải là Bồ Tát ư? Hương Vân Cái đúng là Bồ Tát. Chỉ cần chân chánh giác ngộ chúng sanh, chúng sanh do người ấy được khai ngộ thì người ấy là Bồ Tát. Bồ Tát chẳng có hình tướng nhất định, Như Lai cũng chẳng có hình tướng nhất định, hóa thân trong hữu tình chúng sanh, hóa thân trong vô tình chúng sanh, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đó là đại ý bài Hương Tán. Bây giờ đã hết giờ rồi.

2. Kệ Giác Hải

Chư vị đồng học!
Xin xem tiếp bốn câu kệ:

*Giác hải hư không khởi,
Sa Bà nghiệp lãng lưu,
Nhược nhân đăng bỉ ngạn,
Cực Lạc hữu quy châu.*

覺海虛空起。
娑婆業浪流。

若人登彼岸。

極樂有歸舟。

(Biển giác khởi hư không,
Sa Bà sóng nghiệp trào,
Ai muốn lên bến giác,
Cực Lạc sẵn thuyền về).

Nội dung bốn câu kệ này hết sức phong phú. Hai câu đầu thuyết minh khởi nguyên của vũ trụ và sanh mạng; đó là hiện tượng do đã mê mà có. Hai câu sau dạy chúng ta phương pháp “quay đầu là bờ” (hồi đầu thị ngạn).

Vì sao chúng ta mê mất tự tánh? Vì “*giác hải hư không khởi!*” Biển Giác vốn chẳng có hư không, biển Giác là tánh hải, trong kinh luận thường gọi “tâm tánh” là biển Giác. Vì vậy, quý vị phải nhớ kỹ chỗ này, tự tánh bản giác. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta: “*Bản giác vốn có, bất giác vốn không!*” Bản giác là tự tánh, tự tánh là bản giác; [nghĩa là] nó vốn là giác, cũng chưa hề bị mê hoặc. Nay chúng ta nói “*mê mất tự tánh*” chỉ là tùy thuận phàm phu mà nói, thật ra, tự tánh là chân tánh, chân tánh sao mê được? Nếu mê, làm sao có thể gọi là chân?

Trong Hệ Niệm Pháp Sự, Trung Phong đại sư khai thị điều này rất minh bạch. Tuy lời khai thị không nhiều, nhưng nói rất rõ, chỉ là mê và ngộ. Mê và ngộ cũng chẳng phải là thật, càng nói càng u huyền. “*Hư không*”: Trước hết phải có hư không rồi mới có thể giới. Có thể giới rồi mới có chúng sanh. Nói có trước - sau, nhưng trên thực tế là sanh khởi, chỉ do tâm hiện, hiện khởi hết sức nhanh!

Hiện tại, các nhà khoa học cũng nói như thế. “*Nhất thời đốn hiện*” (nhanh chóng hiện cùng lúc), chẳng có thứ tự trước - sau. Thật ra, quý vị không có cách nào để nói thứ tự trước - sau được cả, tốc độ của nó phải là một phần ức vạn phần của một giây, làm sao quý vị phát hiện thứ tự trước sau cho được? Bởi thế, kinh Đại Thừa thường nói là “*nhất thời đốn hiện*”. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật cũng nói đến việc này: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (do ngay nơi đó mà hiện ra, cũng từ nơi đó mà diệt hết). “*Đương xứ*” là gì? Là hiện tiền, chẳng có xa - gần. Không có xa - gần là không có không gian, không có trước - sau là không có thời gian. Thời gian, không gian đều là tình chấp (chấp trước trong tình thức) của phàm phu, chẳng phải là sự thật! Rốt cuộc, thế nào là sự thật? Là mê - ngộ! Ở đây nói đến giác, là giác bị mê⁸. Mê là mê cái gì? Mê chân vậy! Trong kinh Phật hình dung rất ý vị, nhất niệm bất giác là mê; thời gian một niệm rất ngắn.

Trong kinh Nhân Vương, đức Phật đã nói [về một niệm]; rất nhiều các đồng học đã từng niệm kinh Nhân Vương rồi! Trong quá khứ, chúng tôi ở Đài Loan, dường như năm nào Đài Loan cũng đều mở pháp hội Nhân Vương để cầu phước cho quốc gia. Trong kinh Nhân Vương, đức Phật giảng một cái khảy tay là sáu mươi sát-na, tức là một sát-na bằng 1/60 của khoảng thời gian khảy ngón tay. Mỗi một sát-na có chín trăm lần sanh diệt, mỗi một lần sanh diệt là một niệm. Nếu tính theo giây, thì một lần khảy ngón tay rất nhanh, một giây khảy được bốn lần, bốn nhân sáu mươi

⁸ Nói “giác bị mê” chỉ là một cách nói cho dễ hiểu, chứ thật ra giác không bao giờ mê. Chẳng qua, do chấp trước, phân biệt, vọng tưởng, vô minh của chúng ta che lấp khiến cho giác không khởi công dụng được, nên gọi là “giác bị mê”, chứ giác tánh không bao giờ mê!

nhân chín trăm⁹ ước chừng hai mươi vạn tám ngàn, tức là trong một giây có hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Trong một giây có hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt, quý vị làm sao có thể nhận biết được? Nhất niệm bất giác thì một niệm ấy là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt trong một giây. Điều tôi vừa thưa cùng quý vị ấy chỉ là Như Lai nói phương tiện, chẳng phải là nói chân thật. Đó là nói phương tiện, chứ quý vị không có cách gì nhận biết tốc độ quá nhanh như thế; nói thật ra, còn nhanh hơn tốc độ vừa nói đó nữa!

Đừng nói chi khác, hiện tại chúng ta biết tốc độ ánh sáng nhanh nhất, tốc độ sóng điện từ (electromagnetic wave) chẳng kém tốc độ ánh sáng mấy, một giây đi được ba mươi vạn cây số. Ánh sáng đi một cây số chỉ mất một phần ba mươi vạn giây; trong một phần ba mươi vạn giây, ánh sáng đi được một cây số. Nếu chúng ta [lần lượt tính thời gian] ánh sáng đi được một mét, đi được một centimetre, một milimetre, thì trong một phần ức vạn của một giây, trong tình huống như thế, ánh sáng bất động. Do vậy, chúng ta mới thấu hiểu điều được nói trong kinh Phật “*thanh tịnh tịch diệt tướng*”, đó là cảnh giới sở chứng của bậc Bát Địa trở lên. Quý vị nghĩ xem: Công phu định lực ấy thật sâu! Trong đại định ấy, chẳng có ánh sáng nữa; ánh sáng bất động. Đây là biển Giác. Nếu động một cái, hề động là rắc rối liền: Không gian xa - gần, thời gian trước - sau liền từ đó sanh khởi. Đó gọi là thế giới; Thế là thời gian, Giới là không gian, thời gian và không gian cùng phát sanh. Thế nhưng quý vị phải hiểu đó là huyền tướng, kinh Kim Cang giảng rất hay: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào ảnh, như lộ, diệt như điện, ung tác như thị quán*” (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Quý vị phải thực sự thấy rõ ràng, thấy minh bạch, nhìn ra chân tướng sự thật.

Những gì ta thấy trong hiện tại là huyền tướng, là tướng tiếp nối liên tục hư huyễn. Cho rằng tướng tiếp nối hư huyễn là chân thật, khởi lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. A! Đó là “*Sa Bà nghiệp lăng lư*”. “*Nghiệp lăng lư*” (sóng nghiệp trào dâng) là gì? Là lục đạo luân hồi! Hãy xem hoàn cảnh chúng ta đang sống: Thế giới Sa Bà, tam đồ lục đạo là cảnh giới biến hiện từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Huyền tướng giống hệt như nằm mộng, nhưng giấc mộng ấy là ác mộng, đã ác mộng lại còn chẳng tỉnh, cứ tiếp diễn hoài, khổ quá! Ngày ngày gặp ác mộng, niệm niệm trong ác mộng, vô lượng kiếp đến nay vẫn chẳng tỉnh ra, càng mê sâu hơn, càng hãm trong cái khổ!

Phải nói thật, nếu nói theo ngôn ngữ bây giờ, người thời cổ thiện căn so với chúng ta sâu dày hơn nhiều. Vì sao vậy? Vọng tưởng chẳng nhiều bằng người hiện tại, dễ dạy hơn! Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này giáo hóa dễ dàng, vừa thị hiện, thực sự có không ít người quay đầu. Hiện tại, Phật, Bồ Tát ứng hiện trong thế gian này có nhiều chẳng? Hết sức nhiều. Chúng sanh dễ độ chẳng? Chẳng dễ độ! Họ chẳng thể hồi đầu! Xác thực là họ chẳng thể hiểu rõ chân tướng sự thật. Họ cứ tưởng những gì họ nghĩ, họ thấy đều tuyệt đối chính xác, cho những gì Phật nói đều là mê tín, lẽ đâu có đạo lý ấy, lẽ đâu có những chuyện ấy! Họ nói Phật mê tín, bảo Phật giáo chẳng phù hợp hiện thực.

⁹ Một giây khảy ngón tay bốn lần, một khảy ngón tay có 60 sát-na, một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Như vậy là trong một giây có 4x60x900 lần sanh diệt.

Kính thưa cùng quý vị dăm câu: Bọn họ theo chủ nghĩa lý tưởng, chẳng thiết thực. Họ nói những lời lẽ rất dễ nghe, chứ thật ra khó lắm, thực sự chẳng dễ dàng! Hãy quay đầu, kéo lằm, Phật giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. “*Chư pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ*” (Các pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp), Phật nói như thế đấy; nhưng đối với căn tánh của con người hiện tại, trừ Tịnh Độ ra, không có pháp nào thành tựu được cả! Đừng nói tu hành chứng quả phải hiểu rõ chân tướng sự thật, quý vị nghiên cứu kinh giáo mà không hiểu rõ chân tướng sự thật thì cũng vô ích, không chuyên cảnh giới được!

Đó là lời chân thật, cũng chính là lời Trung Phong quốc sư đã giảng. Vọng tưởng, tập khí, phiền não từ vô thi kiếp đến nay quý vị chưa buông xuống được. Đây là lời thành thật: Nếu quý vị có thể buông xuống được thì chẳng thành vấn đề, pháp môn nào cũng tu thành tựu cả! Nếu không buông xuống được, sẽ chẳng thể thành tựu. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, không có pháp nào đối nghiệp thành tựu, chỉ có tiêu nghiệp mới thành tựu. Quý vị thấy kinh luận Đại, Tiểu Thừa thường nói: Kiến, Tư phiền não tiêu rồi bèn chứng quả A La Hán; Trần Sa phiền não tiêu bèn chứng quả vị Bồ Tát. Vô minh phiền não cũng tiêu sẽ thành Phật, chẳng có đối nghiệp. Bây giờ quý vị hãy xem kỹ nhé, tôi thường nói: Khoan nói tới Kiến Tư phiền não! Kiến phiền não trong Kiến Tư phiền não là thô nhất, đức Phật nói nó gồm tám mươi tám phẩm, nếu quý vị có năng lực tiêu trừ được nó thì mới chứng Tu Đà Hoàn, [Tu Đà Hoàn] là Sơ Quả của Tiểu Thừa. Quý vị cứ nghĩ thử xem! Do vậy, trong thời kỳ Mạt Pháp, rất khó vậy!

Một ngàn năm thứ nhất sau khi đức Phật diệt độ là thời kỳ Chánh Pháp, Phật tử nghiêm trì giới luật, dùng phương pháp Trì Giới chứng được Tứ Quả, Tứ Hướng của Tiểu Thừa. Hết một ngàn năm ấy, tiến vào thời kỳ Tượng Pháp, trì giới chẳng thể chứng quả, căn tánh con người chẳng được như trước. Phật giáo hóa chúng sanh phải thay đổi phương pháp, tu Định. Thiên Định thành tựu trong thời Tượng Pháp, Tượng Pháp dài một ngàn năm. Sau một ngàn năm ấy, căn tánh của chúng sanh tệ hơn thời Tượng Pháp rất nhiều. Nói cách khác, tu Định chẳng thể khai ngộ, gần đây nhất là như Đàm Hư đại sư thường nói. Sách Ảnh Trần Hồi Úc Lục là tự truyện của Ngài, tôi đã đọc qua. Tôi chẳng có duyên phận với cụ Đàm, chưa từng được gặp mặt. Năm 1977, tôi giảng kinh tại Hương Cảng, trụ nơi đạo tràng của Ngài, tức Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán ở đường Giới Hạn thuộc khu Cửu Long do lão nhân gia sáng lập. Trong Đồ Thư Quán ấy, Ngài có một căn phòng nhỏ, lúc tôi giảng kinh ở đó, ngụ tại căn phòng của lão nhân gia. Tôi giảng kinh ở Đồ Thư Quán ấy không ít lần, coi như rất có duyên phận.

Lão nhân gia từng nói: “*Trong thời kỳ Mạt Pháp, người tham Thiên khai ngộ chưa từng thấy được một người*”. Chẳng những chưa từng thấy mà cũng chưa từng nghe nói đến nữa. Đó là lời lão hòa thượng nói. Ngài từng gặp người tham Thiên đắc định, nghe nói lại càng nhiều hơn, tham Thiên đắc Định nhưng chưa khai ngộ. Nghe lời này chúng ta phải hiểu rõ: Tham Thiên đắc Định chưa khai ngộ thì chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, tương lai sẽ đi về đâu? Người đắc Thiên Định sanh thiên. Tùy theo công phu Thiên Định sâu hay cạn! Định lực cạn chẳng thoát được Dục Giới. Chúng ta biết từ tầng trời thứ ba của Dục Giới trở lên, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, [muôn sanh lên] bốn tầng trời này đều phải tu Thiên Định. Công phu Thiên Định sâu - cạn bất đồng, quý vị sanh trong tầng trời nào? Nói thật ra, ngay cả những

mức Thiên Định đó mà còn chưa có ai thành tựu cả! Chân chánh thành tựu Thiên Định chẳng sanh trong Dục Giới, mà sanh vào Sắc Giới. Tứ Thiên, Bát Định sanh trong Sắc Giới hay Vô Sắc Giới, nhưng vẫn chưa thoát luân hồi lục đạo!

Thiên Định nhất định phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, mới siêu thoát luân hồi; cụ Đàm nói (Ngài vãng sanh khi đã hơn chín mươi tuổi) suốt một đời Ngài chưa từng gặp được một ai [tham Thiên được đại triệt đại ngộ]. Quý vị thấy đó, khó khăn quá! Bởi thế, thời Mật Pháp chỉ có Tịnh Độ thành tựu. Trong kinh Đại Tập, đức Phật dạy: “*Thời kỳ Mật Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”. Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đời nghiệp vãng sanh, nhưng cổ đức giảng rất nhiều về đời nghiệp: Đời nghiệp là mang theo chủng tử của nghiệp, chẳng phải là mang theo tập khí. Câu nói này hết sức trọng yếu! Đời nghiệp là mang theo nghiệp cũ, chứ không phải vác theo nghiệp mới. Điều này rất phiền phức đấy nhé! Chúng ta ngày ngày tạo nghiệp nên niệm Phật chẳng bảo đảm vãng sanh. Ai đảm bảo vãng sanh? Người chẳng tạo nghiệp mới! Người chẳng tạo nghiệp mới, chưa đoạn chủng tử của nghiệp và tập khí, nhưng làm thế nào chẳng tạo nghiệp?

Trong đề mục pháp sự này, Trung Phong quốc sư đã chỉ rõ “*hệ niệm*”, nhất tâm hệ niệm A Di Đà Phật. Trong ý niệm của chúng ta từ sáng đến tối, ngày đêm chẳng ngưng dứt, chỉ có một niệm A Di Đà Phật, ngoài ý niệm A Di Đà Phật ra, niệm gì cũng chẳng có. Đây nào phải là chuyện dễ! Thành Phật lẽ nào dễ dàng? [Tu tập] như vậy là dễ dàng nhất rồi! So với tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn này dễ dàng nhất. Phương pháp này có nghĩa là bất luận niệm nào cũng đều gọi là vọng niệm cả. Bất luận ý niệm gì, hễ ý niệm khởi lên bèn quy về A Di Đà Phật hết. Đó là điều cổ nhân thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Niệm là mê, niệm gì cũng là mê, đều là vọng tưởng cả!

Quý vị phải chuyển cho nhanh, chẳng để cho vọng niệm tiếp nối; niệm vừa mới khởi lên thì niệm thứ nhất vừa khởi, niệm thứ hai bèn là A Di Đà Phật. Cốt sao quý vị vừa phát hiện thì ngay lập tức chuyển niệm đó thành A Di Đà Phật. Hệ niệm giống như dùng dây cột chặt, cột chặt vào A Di Đà Phật. Nếu quý vị thực sự làm được điều này, thì xin chúc mừng quý vị, quý vị sẽ sanh về thế giới Cực Lạc làm Phật ngay trong một đời này.

Quý vị hãy nghĩ đến câu chuyện pháp sư Đàm Hư thường kể: Thầy của Ngài là pháp sư Đê Nhân, người đệ tử làm thợ vá nồi của pháp sư [Đê Nhân] chẳng phải là nhất tâm hệ niệm đó ư? Lão hòa thượng dạy ông ta một phương pháp, ông ta thực sự làm theo! Lão hòa thượng dạy ông ta một phương pháp chẳng khó, chỗ khó khăn là trì cho bền, thực sự làm! Chỉ đơn giản như thế này: “*Một câu Nam Mô A Di Đà Phật niệm một bèn nghỉ, nghỉ xong lại tiếp tục niệm*”. Thực sự làm như vậy chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Niệm thấy một chẳng hề gì, cứ nghỉ ngơi cho khỏe xong, tinh thần sung túc lại tiếp tục niệm. Thân, tâm, thế giới, hết thấy buông xuống hết, không nghĩ đến cái gì hết. Ông ta niệm hơn ba năm, bèn đứng mà tịch. Pháp sư Đê Nhân tán thán, bội phục ông ta thực sự thành công. Sư khen ngợi: “*Phương trượng trụ trì các đạo tràng từng lâm trong thiên hạ chẳng bằng được ông ta, những pháp sư thuyết giáo giảng kinh cũng chẳng bằng được ông ta!*” Vì sao thành công? Ông ta thực sự làm được hệ niệm pháp sư!

Hai câu tiếp đó là “*Nhược nhân đặng bỉ ngạn, Cực Lạc hữu quy châu*” (Ai muốn lên bên giác, Cực Lạc sẵn thuyền về). Trong thời đại Mật Pháp chỉ có một biện pháp,

đức Phật dạy chúng ta, ngoài biện pháp ấy ra, chẳng có biện pháp thứ hai. Bởi thế, Ấn Quang đại sư xuất hiện trong thế gian dạy những người tu hành chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới. Lão nhân gia dạy chúng ta ở chùa nhỏ, những đồng học cùng tu không quá hai mươi người, có một cái Niệm Phật Đường nho nhỏ là đủ rồi. Trong Niệm Phật Đường chẳng cần phải trần thiết tráng lệ, không cần thiết làm như thế! Chỉ cần thờ một bức tượng A Di Đà Phật, hoặc thờ Tây Phương Tam Thánh là được rồi, sạch sẽ, thanh tịnh, vì sao? Nhất tâm hệ niệm. Thấy Phật, Bồ Tát quá nhiều sẽ bị phân tâm. Tất cả hết thầy chư Phật Như Lai đều được đại diện bằng A Di Đà Phật, dùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đại diện cho hết thầy Bồ Tát Ma Ha Tát. Toàn bộ đều được niệm đến, mười phương ba đời chẳng sót vị nào. Tâm định, chẳng tán loạn, tập trung ý chí tinh thần, chẳng lãng phí chút thời gian nào.

“*Bỉ ngạn*” (bờ kia) là bờ Giác. Nay chúng ta đang ở bên mê, chư Phật, Bồ Tát ở bên Giác. Giờ đây chúng ta muốn phá mê khai ngộ, muốn bỏ mê về với giác thì thế giới Cực Lạc có biện pháp. “*Châu*” (舟: thuyền) là công cụ chuyên chở. “*Quy châu*”, Quy (歸) là quay đầu, thế giới Cực Lạc có chiếc thuyền đưa chúng ta quay đầu. “*Quy châu*” chính là pháp sự này; quý vị nương theo pháp sự này giống như có chiếc thuyền để nương về vậy. Quý vị ngồi vững vàng, chắc chắn trên chiếc thuyền ấy sẽ phản vọng quy chân, phản mê quy ngộ, trở vào trong Giác Hải. “*Cực Lạc hữu quy châu*” [nghĩa là như vậy đó!]

Bởi thế, bốn câu kệ này chỉ có hai mươi chữ, nhưng ý nghĩa rộng sâu vô tận. Chỉ có “*phản vọng quy chân, phá mê khai giác*” là chân. Đó gọi là Phật pháp, Phật pháp chân chánh. Bốn câu kệ này phơi bày toàn bộ tông chỉ của Tam Thời Hệ Niệm. Vì sao chúng ta phải nương theo pháp sự này mà tu hành? Đã nói rồi, phương pháp này là phương pháp để một đời bất thoái thành Phật.

3. Kỳ đảo văn

Tiếp đó, chúng ta thấy có một đoạn văn. Đoạn văn này có thể gọi là văn kỳ đảo (câu ngụyện), mở đầu là bốn câu kệ:

***Pháp vương lợi vật,
Bi trí hồng thâm,
Phổ biến thập phương.
Minh dương mị cách.***

法王利物。
悲智洪深。
普遍十方。
冥陽靡隔。

(*Pháp vương lợi vật,
Bi trí rộng sâu,
Trọn khắp mười phương,
Âm, dương chẳng cách.*)

“*Pháp vương*” là Như Lai, ở đây chỉ A Di Đà Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật. Sao nói là ba vị Phật? Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân Phật, A Di Đà Phật là Báo Thân Phật, Thích Ca Mâu Ni là Ứng Thân Phật. Pháp, Báo, Ứng, ba thân một mà ba, ba nhưng một, toàn là Tự Tánh Phật.

“*Lợi vật*”: Chữ “*vật*” (物) chỉ chín pháp giới chúng sanh. Đại sư chẳng nói “*lợi nhân*”, nếu “*lợi người*” thì chỉ nói đến loài người, chẳng bao gồm các đường khác; bởi thế nói là “*lợi vật*”. Chữ “*vật*” có ý nghĩa như “*chúng sanh*”, phạm vi hết sức rộng lớn. Chúng sanh là các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi. Bởi thế, chữ “*chúng sanh*” bao quát; như nay ta nói bao gồm động vật, thực vật, khoáng vật, bao gồm tất cả hết thảy hiện tượng tự nhiên. Vì sao vậy? Chúng đều là do các duyên hòa hợp mà sanh khởi. Vì sao ở đây chẳng nói “*pháp vương lợi ích chúng sanh*”? Bởi mỗi câu chỉ có năm chữ, dùng chữ “*vật*” hợp cách hơn. Chư Phật Như Lai lợi ích hết thảy chúng sanh, Vật là hết thảy chúng sanh, bao gồm cả hữu tình lẫn vô tình.

“*Bi trí hồng thâm*”: Chư Phật Như Lai dùng gì để lợi ích chúng sanh? Đại bi, đại trí. “*Hồng*” (洪) là lớn, chúng ta thường nói bi trí rộng sâu không ngần mé. “*Hồng*” là rộng, sâu, giống như biển cả. Phật dùng bi trí như thế ấy. Có trí mà không có bi, không có tâm từ bi thì chẳng thể lợi ích chúng sanh. Có tâm từ bi nhưng thiếu trí huệ cũng chẳng thể lợi ích chúng sanh. Bi trí là tánh đức, trong tự tánh vốn sẵn đủ đức năng. Chúng sanh mê mất tự tánh, tức là mê mất trí huệ rộng lớn, sâu thẳm, mê mất tâm từ bi. Do mê tâm từ bi bèn biến thành tự tư tự lợi, mê mất trí huệ nơi tự tánh, người thế gian chúng ta gọi [sự mê mất ấy] là “*ngu si, hồ đồ*”. Ngụ si hồ đồ là mê mất Bát Nhã trong tự tánh. Tự tư tự lợi là mê mất tâm từ bi trong tự tánh. Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Ngộ điều gì? Ngộ tự tánh vốn sẵn có trí huệ Bát Nhã, ngộ tự tánh vốn sẵn có đại từ đại bi, chúng ta và chư Phật Như Lai chẳng khác gì nhau.

“*Phổ biến thập phương, minh dương mị cách*”: “*Mị cách*” là không chướng ngại, “*thập phương*” là mười pháp giới. Mười pháp giới là nói toàn thể, “*minh dương*” (cõi âm và nhân gian) là nói đến cảnh giới hiện tiền. Nay chúng ta thuộc dương gian, chúng ta muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh trong ba đường ác. Đối với những người nhà, quyến thuộc, bằng hữu đã mất của chúng ta, chúng ta chịu cảnh âm dương cách biệt; nhưng âm gian hay dương cảnh chẳng thể chướng ngại chư Phật, Bồ Tát. “*Mị*” (靡) là không, “*mị cách*” là chẳng cách trở.

Pháp sự này được cử hành nhất định phải có người phát khởi, hoặc chính chúng ta chủ động phát khởi, như tại học viện chúng ta, mỗi Chủ Nhật đều cử hành một lần, tức là do học viện chủ động phát khởi. Nói chung đều là có người khai thỉnh, bởi thế, trong kinh vẫn có câu:

Kim mông trai chủ.

今蒙齋主。

(*Nay nhờ trai chủ*).

“*Trai chủ*” là người phát khởi. Phát khởi nhất định phải hữu sự, tức là nhất định vì việc gì đó mà toan đặc biệt hồi hướng. Nhưng đặc biệt hồi hướng thì quý vị phải

hiểu như trong kinh Địa Tạng đã giảng rất rành rẽ. Người tu hành pháp này là tự lợi, trong bảy phần công đức, bản thân người tu pháp hưởng sáu phần, vong linh chỉ được hưởng một phần, một phần bảy kia hồi hướng về đâu chúng ta phải hiểu. Nếu chẳng phải đệ siêu độ họ thì mọi người chúng ta đã chẳng tu pháp sự này! Chúng ta tu pháp sự này thực sự được lợi ích thì lợi ích ấy là do họ mà có, họ được hưởng một phần lợi ích. Nếu chúng ta tu pháp sự này mà người tu học hiểu thấu, thực sự hiểu rõ sanh tử là việc lớn và hiểu rõ tầm quan trọng của việc cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; nếu thực sự thấu hiểu, chúng ta nhất định hạ quyết tâm, một đời này chẳng thể không sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì những vong nhân được ta siêu độ sẽ được hưởng lợi ích rất lớn.

Chúng ta chiếu theo phương pháp này tu học, đạt được bao nhiêu lợi ích thì những vong linh chỉ được hưởng được một phần bảy. Chúng ta được lợi ích nhiều thì họ hưởng được nhiều, chúng ta được ít, họ hưởng được ít. Nếu chúng ta chỉ làm pháp sự xuống ngoài miệng, qua quít tác trách thì sẽ chẳng được lợi ích gì, vong linh cũng chẳng được hưởng gì. Phải hiểu đạo lý này! Thời cổ cũng có những pháp sự siêu độ, hiện thời [pháp sự] phổ biến nhất ai nấy đều biết là Lương Hoàng Sám. Lương Hoàng chính là Lương Võ Đế. Lương Võ Đế thỉnh ngài Bảo Chí Công siêu độ cho phi tử nhà vua. Vợ ông ta đọa trong ác đạo, ngài Bảo Chí Công là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Tu pháp sự ấy, vợ ông ta lìa khỏi ác đạo, sanh lên trời Đạo Lợi.

Sớm hơn nữa, chúng tôi đọc trong An Thế Cao Truyện Ký thấy vào thời xa xưa kia, nhằm đời Hậu Hán, khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc chưa lâu, ngài An Thế Cao siêu độ bạn đồng học, tức long vương hồ Cung Đình. Siêu độ bằng cách nào? Long vương đem toàn bộ những thứ tín đồ cúng dường cho y ta quyên tặng hết, ngài An Thế Cao vì hấn ta dựng một ngôi chùa thờ Phật ở Nam Xương, dùng tiền của long vương để dựng chùa, dùng ngôi chùa ấy để thực hiện sự nghiệp hồng pháp lợi sanh. Nhờ công đức ấy, long vương lập tức thoát thân súc sanh, sanh lên trời Đạo Lợi thật nhanh, thật hữu hiệu. Bởi thế, long vương là trai chủ, Lương Võ Đế là trai chủ của Lương Hoàng Bảo Sám, nhằm siêu độ thân thuộc, bằng hữu của họ.

Đặc thỉnh sơn tăng dâng tọa.

特請山僧登座。

(Riêng thỉnh sơn tăng lên tòa).

Đặc biệt lễ thỉnh, “sơn tăng” (ông sư sống trong núi) là khiêm hư, khiêm xưng.

Y bằng giáo pháp.

依憑教法。

(Nhờ vào giáo pháp).

Căn cứ, nương tựa, nhờ vào phương pháp của đại sư Trung Phong đã biên soạn.

Tác Tam Thời Hệ Niệm Phật sự.

作三時繫念佛事。

(Làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm).

Phật sự Tam Thời Hệ Niệm vốn do Trung Phong thiền sư biên tập.

Nãi nhĩ vong linh, tao thử thắng duyên.

迺爾亡靈。遭此勝緣。

(Vong linh các người, gặp duyên thù thắng này).

Những vong linh các người – dù chỉ nhằm siêu độ một người, thì những người đến nghe ké rất nhiều, không ai chẳng hưởng lợi ích. Bây giờ hết giờ rồi, buổi học sau chúng tôi sẽ tiếp tục giảng từ đoạn này, giảng từ đoạn “*nãi nhĩ vong linh*”. Hôm nay giảng đến đây thôi.

Tập 03

Hôm qua giảng đến phần văn tác bạch sau bài kệ “*giác hải*”, đầu đoạn văn này trước hết thuyết minh đạo lý cảm ứng. Đạo lý ấy rất sâu, chẳng dễ hiểu cho lắm, nhưng chắc chắn có chuyện như thế ấy, nghĩa lý rất sâu. Tu pháp sự này là vì một nhân duyên đặc biệt, tức là siêu độ vong linh, đó là nhân duyên đặc biệt. Trên thực tế, pháp môn này đúng là vô cùng thù thắng; bởi thế, Tịnh Tông Học Hội mỗi Chủ Nhật cử hành một lần, tạo thành một khoa mục trong chương trình tu học của chúng ta. Trung Phong đại sư khai thị vô cùng tinh vi, chúng ta có dịp thường xuyên đọc tụng, theo văn nhập quán, giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, nâng cao cảnh giới, rất hữu ích. Chúng tôi đọc đoạn văn ấy một lượt:

***Pháp vương lợi vật,
Bi trí hồng thâm,
Phổ biến thập phương,
Minh dương mị cách.***

法王利物。

悲智洪深。

普遍十方。

冥陽靡隔。

*(Pháp vương lợi vật,
Bi trí rộng sâu,
Trọn khắp mười phương,
Âm, dương chẳng cách).*

Mười sáu chữ trong bài kệ bốn câu này, ngày hôm qua đã thuật cùng quý vị rồi. Trước hết chúng ta phải hiểu rõ chân tướng của sự thật: Trong chân tướng, không gian chẳng có xa - gần, thời gian chẳng có trước - sau. Bởi thế, đối với chư Phật, Bồ Tát, đối với tất cả hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, chúng ta thực sự chẳng chướng ngại gì, đúng như kinh Hoa Nghiêm dạy lý sự vô ngại, sự sự vô

ngại. Hễ có cảm bèn lập tức có ứng. Giờ đây, nhờ vào trai chủ, tức là vì nhân duyên đặc biệt, vì một chuyện nào đó mà họ thực hiện pháp sự này.

Đặc thỉnh sơn tăng đăng tọa.

特請山僧登座。

(Riêng thỉnh sơn tăng lên tòa).

“Sơn tăng” là pháp sư chủ trì pháp hội nói tự khiêm, tự xưng một cách khiêm nhường.

“Y bằng giáo pháp, tác Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự”.

依憑教法。作三時繫念佛事。

(Nhờ vào giáo pháp, làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm).

Hôm qua chúng tôi đã giảng đến đây.

Nãi nhĩ vong linh, tao thử thắng duyên.

迺爾亡靈。遭此勝緣。

(Vong linh các người, gặp duyên thù thắng này).

“Thần linh” là tiếng để gọi chung chúng sanh trong chín pháp giới. Chuyên gọi một người nào đó đã qua đời khuất núi thì nói là “vong linh”; còn như trong công khóa tu học thường ngày, thì gọi là “thần linh”, tức là nói trọn khắp hết thầy tôn thần trong pháp giới, tận hư không giới. Vì nguyên nhân nào? Vì cầu sanh Tịnh Độ. Thần linh trong chín pháp giới vẫn phải cầu sanh Tịnh Độ ư? Đúng vậy! Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ, bao gồm cả Văn Thù, Phổ Hiền đều cầu sanh Tịnh Độ. Có vậy, quý vị mới hiểu pháp môn Tịnh Độ thù thắng!

Chúng sanh trong chín pháp giới vẫn còn mê hoặc, chẳng biết đại sự nhân duyên thù thắng; chúng ta đem tin tức này báo cho họ. Chúng ta tin tưởng sâu xa họ nghe được tin tức này, trong đời quá khứ ai nấy đều có thiện căn, ta khơi dậy thiện căn của họ khiến họ giác ngộ. Giác ngộ đây chẳng phải là minh tâm kiến tánh, mà giác ngộ là gì? Do thiện căn trong đời quá khứ phát hiện, tất nhiên họ sẽ niệm A Di Đà Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc, cùng dự pháp hội này với chúng ta, cùng mọi người chúng ta thực hiện khóa lễ này.

“Nãi nhĩ vong linh, tao thử thắng duyên”: “Tao” (遭) là gặp gỡ, chúng ta gặp được pháp duyên thù thắng này, pháp duyên thù thắng này chẳng dễ gặp được, đúng là “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ”, [mà nay may mắn] gặp được pháp duyên thù thắng này.

Tự nghi nghiêm túc oai nghi.

自宜嚴肅威儀。

(Hãy tự nghiêm túc oai nghi).

“*Nghiêm túc oai nghi*” ở đây như cô nhân Trung Quốc thường nói: “*Thành u trung nhi hình u ngoai*” (lòng Thành bên trong thể hiện ra ngoài). Từ “*nghiêm túc oai nghi*” bên ngoài thấy được nội tâm kiên thành cung kính. Cứ hễ có tâm cung kính thì rất nhiều việc tự nhiên thành, chẳng cần phải tạo tác gì, cũng chẳng cần ai phải dạy, chẳng cần ai dặn dò, tự nhiên biểu hiện thái độ hết sức cung kính. Điều này tôi thấy rất nhiều.

Lai lâm tọa hạ, cung linh diệu pháp.

來臨座下。恭聆妙法。

(Đến dự dưới tòa, kính nghe diệu pháp).

Đền tham dự pháp hội cùng chúng ta, cung cung kính kính lắng nghe. Ở đây chúng ta sẽ đọc kinh A Di Đà, hãy nghe kinh, trong Tam Thời Hệ Niệm có những khai thị hết sức tinh vi, chúng ta hãy cùng nhau tu học.

Nhất tâm thọ độ.

一心受度。

(Một dạ lãnh nhận giáo huấn).

“*Thọ độ*” nghĩa là tiếp nhận lời răn dạy, trong Phật pháp thường gọi là “*độ*”, tức là “*giáo đạo*” (教導: Chỉ dạy). Vì sao chẳng dùng chữ “*giáo đạo*”, lại dùng chữ “*độ*”? Độ là nói từ mặt Quả, từ thành tựu mà nói. “*Giáo đạo*” là nhân, là dạy học. Dạy học có được thành tựu hay không? Nếu có thành tựu thì gọi là Độ. Ý nghĩa gốc của chữ Độ vốn là tỷ dụ, giống như vượt qua sông vậy, chúng ta từ bờ bên này vượt sang bờ bên kia. Nếu chúng ta vượt được sông qua đến bờ đối diện thì gọi là “*độ quá*” (vượt qua). Bởi thế, kinh Phật thường dùng tỷ dụ sau: Chúng ta đang ở bờ mê hoặc bên này, bờ đối diện là giác ngộ, chúng ta muốn từ mê vượt lên giác. Phật răn dạy nhằm giúp chúng ta phá mê khai ngộ, giúp chúng ta đoạn ác làm lành. Nay chúng ta đang ở bờ ác bên này, ta muốn vượt qua bờ thiện bên kia. Vì thế, Độ là từ quả mà nói, Giáo là từ nhân mà nói. Do vậy, chữ Độ rất sâu sắc, rất viên mãn, Giáo có lúc chẳng viên mãn, Độ là đã đưa ra thành tích hết sức tốt đẹp cho quý vị thấy.

Muốn “*thọ độ*” thì trọng yếu nhất là phải “*nhất tâm*”. Có nhất tâm thì quý vị mới tiếp nhận được sự giáo huấn, mới thực sự chuyển được cảnh giới. Nhất tâm là chân thành, nhị tâm chẳng chân thành. Trước kia, tiên sinh Tăng Quốc Phiên đời Thanh, nói thật ra, ông ta cũng là một học giả bất phàm, thích đọc sách; trong bút ký đọc sách của ông ta có định nghĩa chữ Thành. Thế nào là Thành? Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc rất coi trọng chữ Thành này, bất luận pháp thế gian hay xuất thế gian, mấu chốt để thành tựu hay không là do quý vị có lòng Thành hay không? Thế nào là Thành? Tăng Quốc Phiên nói: “*Nhất niệm chẳng sanh là Thành*”. Ông ta giải thích cách này rất giống với thuyết nhà Phật. Nhất niệm chẳng sanh, niệm ở đây là vọng niệm; không có vọng niệm. Cũng có thể nói phân biệt, vọng tưởng, chấp trước đều là vọng niệm, đều phải đoạn sạch những vọng niệm ấy, gì cũng chẳng còn, đó gọi là Thành. Nếu vẫn còn có một niệm, một niệm vui thích hay một niệm sân hận, quý vị chưa buông xuống được thì chưa có được chữ Thành ấy!

Một con người tốt, hết sức từ bi, đối với người, đối với hết thảy chúng sanh đều có tâm yêu thương, nhưng trong tâm còn có điều gì đó, như là tham luyến, hoặc là nóng giận vĩnh viễn chẳng buông xuống được thì do một niệm ấy, tấm lòng Thành bị phá hoại mất. Vì sao đức Phật dạy chúng ta tu thành kính? Đức Phật biết quý vị nóng giận, tham ái là do đầu dây mối nhợ từ đời quá khứ, chứ chẳng phải là nhân duyên một hai đời. Bởi thế, hiện thời, các bác sĩ tâm lý ngoại quốc đều chữa tâm bệnh. Vì sao họ không buông những chuyện ấy xuống được, có ấn tượng sâu đến thế? Thực sự là niệm niệm chẳng quên, chứa trong chỗ sâu kín của tâm hồn. Đây là chỗ thương tích trí mạng cho việc tu hành chúng quả, chẳng những không thể chúng quả, mà còn chẳng thể khai ngộ nổi.

Bác sĩ tâm lý ngoại quốc dùng thuật thôi miên khiến những người đó trở về đời quá khứ, một đời quá khứ, hai đời quá khứ, ba đời quá khứ. Tôi từng nghe nói: Có trường hợp thôi miên đến mức rất sâu, người được thôi miên có thể nhớ việc trong hơn tám mươi đời trước, kể ra hết. Hơn tám mươi đời trước tức là cách hiện tại gần như ba bốn ngàn năm. Những sự việc khiến cho kẻ ấy bị đả kích nghiêm trọng trong thuở đó, như bị người khác hãm hại, bị người khác lăng nhục đau đớn không thiết sống nữa. Những ý niệm ấy ghi khắc rất sâu; trong A Lại Da Thức hàm tàng những chủng tử đó, mấy ngàn năm sau, mấy chục đời sau, những chủng tử ấy vẫn hiện hành, vẫn khởi tác dụng. Quý vị nói có phiền phức hay chẳng? Thông qua phương thức [thôi miên] đó khiến cho [bệnh nhân] tự nói ra.

Hiện thời khoa học phát triển, dùng máy ghi âm thâu lại, chờ lúc họ tỉnh dậy, mở cho họ nghe. Họ nghe xong, vấn đề chi cũng được hóa giải hết, là vì sao? Biết rõ tiền nhân hậu quả, không sự gì là ngẫu nhiên cả. Người này tốt với mình là vì trong đời trước mình tốt với kẻ ấy; người này chơi xấu mình là do mình trong đời trước xử tệ với hắn, oan oan tương báo! Nghĩ vậy không bận lòng nữa, coi như xong, chuyện đó xong rồi, kết liễu rồi! Hy vọng đời sau kiếp sau gặp được bạn bè tốt, chẳng cần phải trở thành oan gia, chẳng cần đòi đầu nữa, hóa giải hết.

Đức Phật có năng lực như thế, đức Phật biết được sự tình của hết thảy chúng sanh trong vô lượng kiếp trước. Bởi thế, đức Phật thuyết pháp cao minh, Ngài có thể lôi ra hết những chủng tử nghiệp chướng, tập khí ẩn sâu trong Tạng Thức của ta khiến cho ta giác ngộ, khiến ta tự dẹp yên (nói theo cách bây giờ) những mâu thuẫn, nghi ngờ, lo lắng trong nội tâm, hóa giải hết tất cả, [vì thế], nhất tâm và lòng thành kính của ta bèn hiện tiền. Có điều kiện ấy thì quý vị mới có thể tu đạo, nhất tâm thọ độ!

4. Lư Hương Tán

Tiếp theo là phần Lư Hương Tán là bài tán tụng phổ biến nhất trong Phật môn. Trước hết, mở đầu bằng bài Giới Định Chân Hương. Bài này tôi đã thừa cùng quý vị rồi, Trung Phong đại sư có dụng ý đặc biệt. Không có Giới, không có Định, tu pháp môn gì cũng chẳng được lợi ích, bởi thế phải nêu Giới Định trước hết.

Bài Lư Hương Tán thuộc thể loại tán tụng. Nếu dùng thuật ngữ tôn giáo thông thường để nói thì nó thuộc thể loại kỳ đảo, dùng hình thức thi ca để diễn đạt. Tôi nói như thế này chắc mọi người rất dễ hiểu, rất dễ lãnh hội. Đây là bài cầu nguyện, mong nhờ vào lời cầu nguyện này mà được cảm ứng đạo giao cùng chư Phật, Bồ Tát, đến gia trì pháp hội này. “*Gia trì*” là danh từ trong Phật giáo, nói theo cách bây giờ là

“đền che chở, ban phước, giúp sức” khiến cho việc làm này của chúng ta được thành công viên mãn. Việc làm ở đây chính là pháp sự Hệ Niệm. Những đại chúng cùng dự hội, đại chúng gồm chúng sanh trong chín pháp giới đây, ai nấy đều được lợi ích, đặc Pháp Hỷ. Chúng ta hãy xem bài Hương Tán.

Lư hương sạ nhiệt.

爐香乍爇。

(Lò hương vừa đốt).

“Sạ” (乍) là mới vừa. Cái đỉnh báu, cái lò hương vừa mới đốt lên, khói hương tỏa khắp.

Pháp giới môn熏.

法界蒙熏。

(Pháp giới khắp xông).

Pháp giới rất lớn! “*Xông khắp pháp giới*” là sự thật, có phải là khoa trương hay không? Trong bài văn tác bạch ở trên có câu “*phổ biến thập phương, minh dương mị cách*” (trọn khắp mười phương, âm dương chẳng ngăn cách). Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thấy pháp sanh từ tâm tướng sanh). Tâm tướng ấy là sóng tâm chuyển động, tốc độ nhanh không có cách gì tưởng tượng được. Hiện tại, vật lý học nghĩ tốc độ ánh sáng nhanh nhất, nhưng các nhà vật lý cận đại biết chắc chắn trong vũ trụ quả thật còn có những thứ có tốc độ nhanh hơn ánh sáng; nhưng trong Thái Dương Hệ của chúng ta, tốc độ ánh sáng nhanh nhất, một giây đi được ba mươi vạn cây số. Thừa thật cùng quý vị, nhanh nhất là ý thức, ý niệm. Ý niệm vừa nảy sanh, tốc độ lan truyền của nó liền trọn khắp hư không pháp giới, ánh sáng chẳng thể sánh bằng được. Tổ sư đại đức dạy chúng ta: Tâm càng thanh tịnh, càng định, thì phạm vi lan truyền của sóng niệm càng lớn. Kinh Lăng Nghiêm nói “*tịnh cực quang thông*”, [nghĩa là] tịnh đến mức cùng cực thì quang (quang là tâm quang, quang minh của trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh) bèn thông suốt. Thông suốt ở đây là khắp hư không pháp giới, thật đây! Chẳng giả đâu!

Bây giờ, nếu hỏi: Lữ phạm phu tục tử chúng ta vọng niệm toi bờ thì có được năng lực lớn lao như thế chăng? Nói như trên là thật đấy, chẳng sai đâu! Nhưng quý vị phải hiểu: Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát mỗi vị đều là “*tịnh cực quang thông*”. Nói cách khác, năng lực tiếp thu của các Ngài rất lớn, tuy chúng ta phát sóng, tín tức của chúng ta không đến được các Ngài, nhưng các Ngài có năng lực tiếp thu đến tận chỗ chúng ta, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, chúng ta khởi tâm động niệm ở đây, dầu xen tạp vọng tưởng, xen tạp ác nghiệp, các Ngài vẫn có thể tiếp nhận được, năng lực tiếp nhận của các Ngài trọn khắp hư không pháp giới. Bởi thế “*pháp giới môn熏*” là thật, chẳng giả!

Chư Phật hải hội tất dao văn.

諸佛海會悉遙聞。

(Hải hội chư Phật thảy xa nghe).

Bao gồm Pháp Thân Bồ Tát. “*Dao vãn*” là quan niệm của phàm phu chúng ta: Ở rất xa, các Ngài cũng nghe thấu; nhưng trong cảnh giới các Ngài, chẳng có xa hay gần, người học Phật chúng ta chẳng thể không biết điều này! Minh tâm kiên tánh, sau khi kiên tánh, không gian lẫn thời gian đều chẳng còn nữa, đều quy nhất hết. Chúng ta cảm thấy có xa - gần, nhưng đối với các Ngài sẽ là hết như trước mắt, ở ngay trước mắt.

Tùy xú kết tường vân.

隨處結祥雲。

(Khắp chốn kết mây lành).

Khắp chốn kết mây lành là chuyện dĩ nhiên. Tiếp theo đó:

Thành ý phương ân.

誠意方殷。

(Lòng thành mới ân cần)

“*Thành ý phương ân*” là chúng sanh năng cảm. Chúng sanh phải có thành ý, thành ý ân cần, thì quý vị mới nhờ vào lu hương [để cảm Phật, Bồ Tát] được. Lu hương nhằm biểu thị pháp, biểu thị một chút thành ý của chúng ta, vừa đốt bèn ân cần. Quý vị thấy hương [cúng dường ấy] được [chư Phật, Bồ Tát] ứng như thế này: “*Tùy xú*” là chư Phật ứng, “*kết tường vân*” là khí thể gian ứng. Đạo vị này quá sức sâu đậm. Chư Phật, Pháp Thân Bồ Tát ở khắp mọi nơi khởi cảm ứng đạo giao cùng chúng ta, “*kết tường vân*” là khí thể gian ứng. Ý nghĩa này rất nồng đậm. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát ở khắp các nơi bèn cảm ứng đạo giao. “*Kết tường vân*” là nói khí thể gian, tức vô tình thể gian. Điều này đã được khoa học gia Giang Bôn Thảng của Nhật Bản chứng minh: Nước kết tinh tạo thành dạng thức (pattern) mỹ lệ, đấy chính là “*kết tường vân*”. Tâm yêu thương, tâm cảm tạ, mỹ ý, thiện hạnh có thể làm cho thiên địa vạn vật kết tinh thành dạng đẹp đẽ nhất, đấy chính là ý nghĩa của chữ “*tường vân*”.

Chư Phật hiện toàn thân.

諸佛現全身。

(Chư Phật hiện toàn thân).

Ở đây, “*chư Phật*” có hai nghĩa: Thứ nhất là rất nhiều các đức Phật Như Lai; thứ hai là gồm cả các Pháp Thân Bồ Tát. Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ trở lên đều là “*phần chứng tức Phật*”¹⁰. Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ lên đến Đẳng Giác, Diệu Giác gồm bốn mươi hai địa vị, thấy đều là “*chư Phật*”. Cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim

¹⁰ Phần chứng tức Phật: một trong sáu loại Phật theo giáo nghĩa Thiên Thai. Phần chứng tức là giác ngộ một phần, người giác ngộ một phần hoặc vài phần, tức là bậc Sơ Trụ trở lên được coi như là Phật.

Cang giải thích chữ “*chư Phật*” như vậy, [bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ và Diệu Giác] chính là bốn mươi hai địa vị chư Phật. Ở đây, hai nghĩa này đều hợp lý cả. Nói theo chiều ngang là hết thấy chư Phật, Bồ Tát; nói theo chiều dọc là bốn mươi hai địa vị chư Phật. Đây là chư Phật đến cảm ứng, trí Chánh Giác thế gian. Trong chữ “*chư Phật*” còn có một ý nghĩa nữa là tam thân chư Phật, tức Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Hóa Thân. Nói như vậy rất hoàn thiện, tất cả đều hiện toàn thân, thực sự hiện thân, chứ chẳng phải giả. Quý vị phải hiểu thấu suốt, minh bạch, biết cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị chẳng thể thấu suốt, minh bạch điều này thì quý vị chỉ xướng bài tán này, chỉ niệm theo văn mà thôi, chẳng nhập được cảnh giới, chẳng thể thụ dụng chân thật. Tiếp đó là Phật hiệu:

Nam mô Vân Lai Tập Bồ Tát Ma Ha Tát.
南無雲來集菩薩摩訶薩。

Ở đây không phải là Hương Vân Cái Bồ Tát. “*Vân Lai Tập*”: Chư Phật, Bồ Tát vô lượng vô biên như mây, đều nhóm đến đạo tràng này, từ mười phương nhóm đến. Danh hiệu này phải xưng ba lần, biểu thị chúng ta ân cần khẩn thiết khải thỉnh, thỉnh ba lần nhưng niệm một câu. Lần niệm Vân Lai Tập cuối cùng thường thêm hai chữ Hải Hội thành Nam Mô Vân Lai Tập Hải Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. Hai lần đầu là Nam Mô Vân Lai Tập Bồ Tát Ma Ha Tát, lần thứ ba là Nam Mô Vân Lai Tập Hải Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. Đây thường là cách tán tụng kỳ đảo dùng trong các pháp hội quy mô lớn. Bởi vậy, quý vị phải nhớ kỹ: Tất cả hết thấy tán tụng đều là những bài cầu nguyện như trong tôn giáo thường nói, giống như thơ ca ngợi, thi ca tán dương; trong nhà Phật gọi là Phạm Bái, là Tán Tụng.

Trong bài Hương Tán ở phần trước, chúng tôi từng nhắc đến công án Da Thủ Đà La, nay tôi giới thiệu rất đơn giản cùng quý vị. Da Thủ Đà La là phi tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, bà ta mắc nạn; chuyện ấy chúng tôi chẳng cần thuật chi tiết. Nói kỹ rất mất thời gian; nếu quý vị muốn biết rõ hãy coi trong sách Kinh Luật Dị Tướng. Sách Pháp Uyển Châu Lâm càng chép rõ hơn, tựa hồ có ba cách giải thích vì sao Da Thủ Đà La mắc nạn? Vì sao tôn giả La Hầu La ở trong thai mẹ sáu năm mới sanh? Đều có nhân quả! Trong kinh thuyết minh cặn kẽ, tra cứu kinh rất phiền, phải biết tra đúng bộ kinh nào; cổ nhân đã làm việc ấy rồi, làm rất kỹ. Họ đem các công án, nhân duyên trong các kinh gom lại một chỗ, soạn thành một loại sách, nay gọi là Phật Học Từ Điển. Sách cổ nhân soạn mang tên Kinh Luật Dị Tướng và Pháp Uyển Châu Lâm, quý vị có thể tham khảo những sách đó. Tiếp theo là một đoạn bạch văn, đoạn bạch văn này thuộc thể loại kỳ đảo.

5. Kỳ đảo văn

Thử nhất biện hương.
此一瓣香。
(Một nén hương này).

Hương này là hương hình thức. Chúng ta đốt Đàn Hương, cắt Đàn Hương thành từng mảnh, từng nén, nhằm tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho tâm hương của chúng ta, biểu thị một tấm lòng kiên thành lễ kính. Do vậy, nó là một nén tâm hương. Những câu tiếp theo toàn nói về tâm hương, chứ chẳng phải là hương vật chất.

Căn bàn kiếp ngoại.

根蟠劫外。

(Gốc cuộn ngoài kiếp).

“Kiếp” (kalpa) là thời gian, đây là nói bằng thí dụ. Đàn Hương là gỗ Chiên Đàn, dùng để sánh ví Pháp Thân của chúng ta, Pháp Thân của chúng ta là cây Chiên Đàn. Một mảnh hương này là tâm hương của chúng ta, cội rễ của Pháp Thân vượt ngoài thời kiếp, Kiếp là thời gian, câu này có nghĩa là siêu việt thời gian.

Chi bá trần hoàn.

枝播塵寰。

(Nhánh trùm vũ trụ).

“Trần hoàn” là không gian, hư không pháp giới. Tám chữ này (tức “căn bàn kiếp ngoại, chi bá trần hoàn”) có nghĩa là siêu việt thời gian lẫn không gian. Siêu việt cả thời gian lẫn không gian chỉ có chân tâm. Chẳng phải là chân tâm, chẳng phải là bản tánh, sẽ chẳng có cách gì siêu việt được!

Bất kinh thiên địa dĩ sanh thành.

不經天地以生成。

(Chưa từng được trời đất sanh thành).

Nó chẳng phải do trời đất sanh ra. Chẳng phải do trời đất sanh ra thì từ đâu đến? Tự tánh vốn sẵn có đủ. Câu này nói rất rõ hương này là loại hương gì? Hương chân tánh, chân hương tâm tánh. Chúng ta dùng hương ấy để cúng dường Phật. Vậy thì chúng ta phải hỏi: Phật là gì? Tiếp đó, [lời bạch văn] lại nói ta dùng chân hương tâm tánh để cúng dường.

Khởi thuộc âm dương nhi tạo hóa?

豈屬陰陽而造化。

(Há lẽ thuộc âm dương tạo hóa?)

“Tạo” là tạo tác, “hóa” là biến hóa. “Khởi thuộc âm dương tạo hóa” ý nói hương ấy vĩnh hằng bất biến. Vĩnh hằng bất biến là chân, bị Âm - Dương tạo tác, biến hóa thì chẳng phải là chân, chẳng phải là chân tâm. Quý vị hãy nghĩ xem: Làm sao không cảm ứng cho được? Chúng ta đốt một mảnh Đàn Hương, mảnh Đàn Hương này là giả, là huyễn hóa, chẳng phải thật, nó có sanh diệt, nhờ vào nó để biểu thị chân hương tâm tánh, vĩnh hằng bất biến, bất sanh bất diệt. Hương là tánh đức, Quang là trí huệ

sẵn có nơi tự tánh; vì thế, thường gộp chung thành “*huong quang trang nghiêm*”. Ở đây:

Nhiệt hương lô trung.

蒸向爐中。

(Đốt đặt trong lò).

Cái lò này cũng biểu thị pháp. Mảnh hương này đốt trong lò hương, hương là tánh đức của chúng ta. Lò là gì? Lò là pháp giới! Mật Tông sử dụng Mạn Đát Lạp (Mandala), Mạn Đát Lạp biểu thị pháp giới; trong Hiền giáo thì dùng lư hương để biểu thị pháp giới. Cúng dường khắp pháp giới, tận hư không giới.

Chuyên thân cúng dường.

專伸供養。

(Chuyên dâng cúng dường).

Ở đây nói rất rõ đối tượng cúng dường...

Thường trụ Tam Bảo, sát hải vạn linh.

常住三寶。剎海萬靈。

(Thường trụ Tam Bảo, vạn linh trong các cõi nhiều như biển).

Bao gồm hết thấy, Thường Trụ Tam Bảo là Trí Chánh Giác thể gian, Sát Hải Vạn Linh là hữu tình thể gian và khí thể gian, thấy đều cúng dường trọn khắp pháp giới, hư không giới, không sót một thứ gì. Chúng ta xướng bài tán này, cầu nguyện như thế, quý vị có cái tâm ấy hay chẳng? Cổ đức thường dạy chúng ta “*tùy văn nhập quán*”, [tức là] dựa theo kinh văn mà biến hóa tâm lượng giống hết như trong kinh văn đã nói, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Bởi thế, nếu quý vị chẳng hiểu ý nghĩa, quý vị chỉ xướng theo chứ không có ý nghĩ gì, chỉ là đeo miệng, chẳng thể tương ứng! Nhất định phải hiểu được ý nghĩa. Thường xuyên xướng tụng, thường niệm theo, sẽ tự nhiên biến thành tâm hạnh của chính mình. Ta dùng ngay trí huệ, Giới, Định, tánh đức của chính mình, niệm niệm chẳng quên cúng dường trọn khắp pháp giới, hư không giới hết thấy chúng sanh. Trên là chư Phật Như Lai, dưới là chúng sanh trong địa ngục, hữu tình, vô tình, đều cúng dường hết, cây cối hoa cỏ, sơn hà đại địa cũng đều gộp hết trong đó, “*sát hải vạn linh*” mà! Tiếp đó, đặc biệt chỉ ra:

Cực Lạc đạo sư A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng.

極樂導師。阿彌陀佛。觀音勢至。清淨海眾。

Đặc biệt nêu lên Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong câu trước là thấy đều cúng dường trọn khắp; ở đây, đặc biệt nêu rõ, bởi mục tiêu của chúng ta là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Dùng cách nào để cầu? Dùng cúng dường trọn khắp để cầu. Vì sao? Di Đà cúng dường như thế, Quán Thế Âm, Thế Chí cúng dường như thế; nay ta cũng cúng dường như thế bèn đầy đủ điều kiện vãng sanh

thế giới Cực Lạc. Quý vị không có điều kiện ấy mà muốn sanh về thế giới Cực Lạc thì chỉ là vọng tưởng vì chẳng đầy đủ điều kiện!

Bây giờ đã hết giờ rồi, chúng ta nghỉ vài phút.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta hãy xem tiếp, trên đây là một đoạn văn kỳ đảo, chúng ta hãy đọc qua một lượt:

***Thử nhất biện hương, căn bản kiếp ngoại, chi bá trần hoàn, bất kinh thiên địa
đĩ sanh thành, khởi thuộc âm dương nhị tạo hóa, nhiệt hướng lô trung, chuyên
thân cúng dường thường trụ Tam Bảo, sát hải vạn linh.***

**此一瓣香。根蟠劫外。枝播塵寰。不經天地以生成。豈屬陰陽而
造化。爇向爐中。專伸供養。常住三寶。剎海萬靈。**

*(Một nén hương này, gốc cuộn ngoài kiếp, nhánh trùm vũ trụ, chẳng do trời đất
sanh thành, há thuộc Âm Dương tạo hóa? Đốt đặt trong lò, chuyên dâng cúng dường,
thường trụ Tam Bảo, vạn linh trong các cõi nhiều như biển).*

Mấy câu này thật hết sức trọng yếu, nhất định chẳng được nói niệm xuôi đoạn văn này là đủ, tâm ta nhất định phải hoàn toàn ứng với văn, đây là cái nhân chân thật để cảm ứng. Vì sao được cảm ứng? Cái nhân chân thật là ở chỗ này (tức tâm hoàn toàn ứng với lời văn trong bài Kỳ Đảo này), chúng ta chẳng thể không biết điều này. Do vậy, ta biết: Người chân chánh giác ngộ, thực sự minh bạch, họ cũng thực sự có cùng một Thể với pháp giới và hư không giới, niệm niệm chẳng lìa, niệm niệm chẳng cách ngăn, chướng ngại. Họ cảm ứng cùng pháp giới, hư không giới; trên là chư Phật Như Lai, dưới là chúng sanh trong địa ngục, tình và vô tình (vô tình là sơn hà đại địa, hoa cỏ, cây cối, bao gồm hết thấy tất cả hiện tượng tự nhiên, nói theo khoa học hiện thời là các hiện tượng vật chất trong vũ trụ), thấy đều được bao gồm trong ấy.

Thành ý! Chúng tôi nói tâm chân thành trọn khắp, tâm thanh tịnh trọn khắp, tâm bình đẳng trọn khắp, tâm chánh giác trọn khắp, tâm từ bi trọn khắp vừa cảm thì ba thứ thế gian trong pháp giới, tức trí Chánh Giác thế gian là chư Phật, Bồ Tát, hữu tình thế gian là hữu tình chúng sanh, khí thế gian là vô tình, ba thứ thế gian (là toàn thể vũ trụ) đều có ứng. Một niệm của chúng ta cảm thì mọi thứ trong toàn thể vũ trụ thấy đều ứng, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta dùng điều này để hồi hướng như trong đoạn văn sau đây:

Cực Lạc đạo sư A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng.

極樂導師。阿彌陀佛。觀音勢至。清淨海眾。

Đây là chuyên chỉ (tức nói rõ đối tượng hồi hướng), bởi lẽ, công khóa chúng ta đang tu đây nhằm để cầu sanh Tịnh Độ, cầu được thân cận Di Đà, thân cận Quán Âm, Thế Chí, thân cận hết thấy đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu tâm hạnh chúng ta chẳng thuần tịnh, thuần thiện, sẽ chẳng thể cảm ứng. Bởi thế, trong

tâm chẳng được xen tạp mảy may; nếu không, sai mất rồi! Trong tâm ắt chẳng có kẻ oán hận nào, chẳng có oán hận gì; hễ có một thứ nào thì sẽ là xen tạp, tâm thuần tịnh thuần thiện bị phá hoại. Nhất định phải biết buông xuống; chẳng thể buông xuống được là hại mình, hại tự tánh, hại chân tâm. Tự tánh mê thì chân tâm trở thành hư vọng, vì đã bị một vọng niệm xen tạp. Ngàn vạn phần chẳng được xem thường vọng niệm, vọng niệm đó gây hại; không có pháp thế gian, xuất thế gian nào gây hại bằng nó đâu! Có như thế thì mới thấy tánh chất nghiêm trọng của vọng niệm. Sau cùng là hai câu tổng kết:

Tát trượng chân hương, phổ đồng cúng dường.

悉仗真香。普同供養。

(Đều cây vào chân hương, bình đẳng cúng dường khắp cả).

Chân hương này là hương quang tánh đức, “*phổ đồng cúng dường*” là tu đức, tương ứng với tánh đức. Đức Phật nói: Trong hết thảy các thứ cúng dường, pháp cúng dường bậc nhất. Sự cúng dường ở đây thuộc về pháp cúng dường, nay chúng ta đang tu hành pháp cúng dường; như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã dạy chúng ta “*nư giáo tu hành cúng dường*” (cúng dường bằng cách tu hành theo đúng lời dạy). Phật dạy chúng ta như thế nào, chúng ta học làm theo như thế ấy, mọi sự Phật chỉ dạy chúng ta đều thực hành, đó là cúng dường. Chúng ta thấy những lời trần thuật trong đoạn văn kỳ đảo này đều là những lời đức Phật thường răn dạy trong kinh luận, chúng ta phải học tập, niệm niệm chẳng quên, niệm niệm thực hiện, khế nhập cảnh giới, đó là “*phổ đồng cúng dường*”. Tiếp đó, đọc ba lần:

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無香雲蓋菩薩摩訶薩。

Ý nghĩa giống như ở phần trên, niệm danh hiệu này phải hiểu được ý nghĩa của danh hiệu. “*Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát*” là tiếng gọi chung hết thảy Bồ Tát, chứ chẳng phải chuyên chỉ một vị nào, hoặc chuyên chỉ một “*quần thể*” nào! Nay chúng ta gọi “*quần thể*” là đoàn thể. Tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát trong khắp giới, hư không giới đều được bao gồm trong ấy, đều là Hương Vân Cái. [Bài văn kỳ đảo trong phần này của] pháp sự giống như đoạn văn kỳ đảo vừa được nói trong phần trên, đều cùng là Tự Phân của pháp sự.

Dưới đây, chánh thức bước vào pháp sự Tam Thời Hệ Niệm. Tam Thời Hệ Niệm có ba thời: Thời thứ nhất, thời thứ hai và thời thứ ba. Quý vị phải biết ba thời này cùng lấy “*trì danh niệm Phật*” làm chủ, nhưng với mỗi thời pháp sự, mở đầu bằng niệm kinh, đại sư chọn Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Trước hết là niệm kinh, rồi mới niệm chú, tức là niệm chú Vãng Sanh. Tiếp đó là nghe kinh, tức là nghe giảng khai thị. Mỗi chữ, mỗi câu trong phân khai thị đều là kinh văn, nay chúng ta gọi là “*tập hội*”, tức là tom góp những khai thị trọng yếu nhất, tinh túy nhất trong kinh luận nhà Phật, hòng cảnh tỉnh chúng ta, khiến cho chúng ta thời thời khắc khắc chẳng quên, cùng học tập. Trước khi niệm kinh, trước hết phải niệm ba câu:

Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.

南無蓮池海會佛菩薩。

Nam-mô nghĩa là quy mạng, quy y, lễ kính, chí thành cung kính. “*Liên Trì Hải Hội*” là Tây Phương Cực Lạc thế giới, hội này vĩnh hằng chẳng tan, nếu nói bằng thuật ngữ Phật pháp thì là pháp hội bất sanh bất diệt. “*Liên Trì*” có thật! Trong kinh đức Phật đã nhắc đến ao báu, nước tám công đức. Ao ấy do các báu hợp thành, đáy ao chẳng phải là cát bùn mà là cát bằng vàng. Phật nói như vậy. Trong ao ấy nở đầy hoa sen, hoa sen do đâu mà có? Hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong ao sen trước giảng đường của Phật A Di Đà bèn mọc một đóa hoa sen. Trên hoa ghi tên họ kẻ ấy, chẳng nhầm lẫn! Hoa sen do đó mà có, tốt bậc tuyệt diệu vậy!

Nếu tâm quý vị lui sụt, không còn ý nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nữa, hoa sen ấy bèn chết khô, chẳng còn hoa sen đó nữa. Có thể nói: Trong thế giới Cực Lạc, tất cả hết thảy hoa cỏ, cây cối, tình và vô tình đều là bất sanh bất diệt, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ thấy có một tướng sanh diệt là hoa sen trong ao sen, hoa sen thực sự có sanh có diệt. Cá nhân đó nhất niệm muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì trong ao đó mọc lên một đóa sen; tâm thoái thất thì hoa sen chẳng còn nữa. Trong thế giới Cực Lạc, chỉ có mỗi chuyện này là thấy có tướng sanh diệt. Nếu quý vị phát tâm rất chân thành, thiết tha, tu hành thật dũng mãnh, hoa của quý vị tăng trưởng rất nhanh, ánh sáng, màu sắc xinh đẹp. Nếu quý vị tu hành xen tạp quá nhiều, hoa kém tươi đẹp, tựa hồ có quá nhiều màu sắc hỗn tạp, hoa sen cũng chẳng to.

Nói tóm lại, người chuyên tu Tịnh nghiệp, hết thảy chẳng xen tạp thì hoa sen của người ấy tăng trưởng vừa nhanh, vừa đẹp, vừa lớn. Trong tương lai, khi vãng sanh, A Di Đà Phật cầm hoa sen đó đến tiếp dẫn [hành giả] vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hóa sanh trong hoa sen đó! Có phải là sanh về thế giới Cực Lạc là sẽ biến thành một đứa bé ở trong hoa sen ấy hay không? Thừa cùng quý vị, không phải vậy! Nếu biến thành giống như một đứa bé dần dần lớn lên thì Tây Phương Cực Lạc thế giới có tướng sanh - lão - bệnh - tử. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có những chuyện như thế, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hình dạng sẽ vĩnh viễn cố định như thế, hóa sanh mà! Tướng hảo quang minh chẳng khác Phật cho lắm!

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã giới thiệu bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật rất rõ ràng, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thể chất đều là thân kim cang tử ma chân kim sắc, thân kim cang bất hoại, tướng mạo chẳng chỉ có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đâu nhé, chẳng phải chỉ vậy! Ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình chỉ là Ứng Liệt Thân trong thế gian chúng ta mà thôi. A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới “*có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng vẻ đẹp*”, đến chỗ nào bèn mang thân [tương xứng với] nơi đó. Trong kinh đức Phật dạy rất rõ ràng: A Di Đà Phật tiếp dẫn quý vị vãng sanh, liên hoa hóa sanh, quý vị ở trong hoa sen ấy, do vì quý vị mang nghiệp theo nên hoa sen chưa nở, đó là đời nghiệp.

Bài kệ Hồi Hương chúng ta thường đọc cũng là lời cầu nguyện nơi tâm: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”. Do đây ta biết: Câu ấy đâu phải là nói tùy tiện, lúc nào hoa nở? Lúc chúng được Vô Sanh Pháp Nhãn, hoa sẽ nở! Vô Sanh Pháp Nhãn là

pháp chứng đặc của Bồ Tát Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. Thất Địa Bồ Tát chứng được hạ phẩm Vô Sanh Pháp Nhân, Bát Địa chứng trung phẩm, Cửu Địa chứng thượng phẩm. Do đây ta biết rằng: Trong hoa sen, quý vị chứng đắc quả vị rồi hoa sen mới nở. “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”. Do đây biết rằng: Nếu chưa thực sự chứng đắc Thất Địa thì hoa chưa nở. Khi hoa chưa nở, có phải là rất cô độc hay chăng? Chẳng phải, trong hoa có thế giới, thế giới gì vậy? Thế giới Cực Lạc.

Trong hoa là thế giới Cực Lạc, ngoài hoa cũng là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc trong hoa chẳng nhỏ, thế giới Cực Lạc ngoài hoa chẳng lớn, trong - ngoài là một, chẳng phải hai. A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí giáo hóa quý vị ở trong hoa, hải hội đại chúng cũng ở trong hoa. Quý vị cảm thấy kỳ quá ư? Không có chút gì kỳ quái hết. Vì sao vậy? Quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm còn có những việc càng kỳ quái hơn nữa kia! Kinh Hoa Nghiêm nói sao? Trong vi trần có thế giới. Mỗi một vi trần – nơi thân chúng ta chẳng biết có bao nhiêu là vi trần – vi trần được nói trong nhà Phật chính là cơ bản của vật chất. Khoa học hiện tại nói cơ bản của vật chất là gì? Là nguyên tử, điện tử (electron), lạp tử (leptons). Hiện thời họ còn phát hiện những hạt nhỏ hơn lạp tử, hình như được đặt tên là khoa-khắc (quark), nhỏ hơn lạp tử nhiều, trong kinh Phật gọi chúng là “vi trần”. Trong vi trần có thế giới, thế giới lớn cỡ nào? Hoàn toàn giống với thế giới chúng ta hiện đang cảm nhận đây!

Vì thế, đức Phật thường nói: Trong một lỗ chân lông hay nơi đầu một sợi lông, Phật chuyên đại pháp luân. Chuyên đại pháp luân là khai đại pháp hội, vạn ức Bồ Tát cùng ở một chỗ nghe đức Phật giảng kinh thuyết pháp. Ở đâu vậy? Trên đầu một sợi lông. Đầu lông chẳng phóng to, pháp hội chẳng rút nhỏ. Trong tự tánh chẳng có lớn - nhỏ, chẳng có dài - ngắn, chẳng có trước - sau, chẳng có xa - gần. Mấy năm gần đây, hằng ngày chúng ta đọc Hoa Nghiêm, đối với những điều đức Phật đã nói như thế, chúng ta nghe quen tai rồi, chẳng còn cảm thấy kỳ quái nữa. Có những người nghe như thế bèn có thể tiếp nhận được, chứng tỏ tâm lượng họ dần dần mở rộng. Sự việc này quả thật rất khó hiểu, thực sự khó hiểu; chúng tôi sẽ nêu thí dụ để quý vị hiểu được. Trong kinh Phật, tỷ dụ được dùng nhiều nhất là “*mộng, huyền, bọt, bóng*”. Trong bốn thứ mộng, huyền, bọt, bóng ấy, lấy mộng làm chủ, huyền, bọt, bóng là nói thêm.

Mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, quý vị nói cảnh giới trong mộng là lớn hay nhỏ? Cảnh giới trong mộng là gì? Theo Phật pháp, mộng là do một chủng tử trong A Lại Da Thức hiện hành, nhớ kỹ: Một chủng tử! Chủng tử ấy lớn cỡ nào? Hiện nay, khoa học nêu ra một thuyết tôi nghe bèn gật đầu, cũng có lý đôi chút! Các nhà khoa học nói khởi nguyên của vũ trụ là từ một điểm bất thành hình “bùng vỡ” biến hiện ra vũ trụ. Tôi nghe vậy, không đồng ý “bùng vỡ” là chân tướng sự thật, nhưng từ trong một điểm đột nhiên biến hiện ra thì đúng. Một điểm lớn cỡ nào? Các nhà khoa học tính toán, cho rằng lấy một sợi tóc trên đầu chúng ta đem cắt ngang, nhìn vào thiết diện của sợi tóc thấy rất nhỏ. Họ nói một điểm lớn cỡ nào? Đem thiết diện (mặt cắt ngang) của một sợi tóc đó chia thành một trăm ức phần, những phần chia nhỏ như vậy có thể xếp bày thành một trăm ức phần, cảnh giới được hiện đó gọi là “*nhất thời đốn hiện*”. Điều này có thể giải thích mộng cảnh của chúng ta.

Mỗi ngày từ sáng đến tối chúng ta đều nằm mộng. Những tướng được hiện trong mộng cảnh sẽ hiện như thế nào? Hiện khởi những chủng tử trong A Lại Da Thức. Những chủng tử ấy tự hồ không có hình tướng, chẳng những mắt thịt không thấy

được mà kính hiển vi cũng chẳng thể thấy. Các nhà khoa học do đâu mà biết? Họ suy diễn từ lý luận Số học. Về căn bản, khoa học kỹ thuật hiện đại vẫn chưa làm được, vẫn chưa có biện pháp để phát hiện điều này; nhưng cách giải thích ấy khiến chúng tôi nghĩ đến những điều được dạy trong kinh: Trong A Lại Da Thức tàng trữ chủng tử, những chủng tử ấy không có hình tướng. Nếu chúng có hình tướng, đức Phật nói “*trọn hư không cũng chẳng thể chứa hết được nổi*”, nhưng chúng thực sự tồn tại. Mỗi một chủng tử đều có thể nhất thời đốn hiện, hiện ra cảnh giới, cảnh giới chẳng có lớn hay nhỏ.

Làm thế nào để nhập cảnh giới ấy? Theo kinh Hoa Nghiêm mà chúng ta đã đọc trước đây, Phổ Hiền Bồ Tát nhập được. Trên thực tế, Phổ Hiền Bồ Tát nói Đẳng Giác có thể nhập được, nhưng Phổ Hiền là Đẳng Giác, có vị Đẳng Giác Bồ Tát nào chẳng tu hạnh Phổ Hiền? Vì thế, Phổ Hiền chẳng phải là một người, Văn Thù cũng chẳng phải là một vị. Quán Âm, Thế Chí [cũng giống như thế], chỉ cần là một vị Đẳng Giác Bồ Tát [tu hạnh giống như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí], chúng ta đều có thể coi [những vị Đẳng Giác Bồ Tát ấy] như là một người. Danh hiệu bất đồng biểu thị trí huệ, năng lực bất đồng, chứ trên thực tế, trí huệ năng lực của các Ngài đều viên mãn. Danh hiệu tượng trưng cho sự viên mãn của một bộ phận [trí huệ, năng lực] nào đó. Ý nghĩa là như vậy đó. Đẳng Giác Bồ Tát có thể nhập vô lượng vô biên thế giới, thế giới trùng trùng vô tận, chẳng thể nghĩ bàn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho chúng ta biết: Hoa sen trong ao sen “*đại như xa luân*” (to như bánh xe), chẳng phải như hạt cải, chẳng phải là vi trần. Do đây, chúng ta hiểu rõ: Mỗi hoa sen là một thế giới, kẻ ấy (người được liên hoa hóa sanh trong thế giới Cực Lạc) tu hành trong đó, hoạt động trong đó. Ở trong hoa sen, hằng ngày cúng dường mười phương vạn ức chư Phật chẳng chướng ngại. Tây Phương Cực Lạc thế giới và Hoa Tạng giống nhau. Chẳng những giống nhau mà Cực Lạc còn là cốt lõi của Hoa Tạng, là phần tinh túy của Hoa Tạng, là bộ phận tinh hoa nhất, được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, tác dụng chẳng thể nghĩ bàn. Đến khi hoa nở sẽ thấy Phật, sau khi hoa nở là cảnh giới nào? Là cảnh giới Thật Báo Trang Nghiêm Độ của A Di Đà Phật! Quý vị phải hiểu Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ đều là lúc hoa chưa nở, khi hoa nở là Thật Báo Trang Nghiêm Độ.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói rất rõ ràng, vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ, ở trong hoa sen bao lâu mới nở? Mười hai kiếp. Chúng ta nghe thời gian mười hai kiếp [cảm thấy] lâu quá! Trên thực tế, hãy nghĩ xem, trong các kinh Đại Thừa, đức Phật nói, kể từ ngày quý vị chứng được quả Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tính từ ngày đó trở đi, tu hành trong thế giới Hoa Tạng, tu trọn bốn mươi một địa vị, cuối cùng chứng được địa vị Diệu Giác, phải mất bao nhiêu thời gian? Trong kinh thường nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp!

Ba đại A-tăng-kỳ kiếp! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là mười hai kiếp, quý vị mới thấy trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành nhanh hơn nhiều lắm. Trong các cõi Phật khác phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ tu mười hai kiếp, [đó là sự tu hành của những người thuộc] Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Vì thế, mười phương Bồ Tát có ai mà chẳng muốn biết pháp môn này? Có ai chẳng muốn học pháp môn này? Quả thật do nhân duyên mỗi người bất đồng, thực sự có rất nhiều Bồ Tát chẳng biết [pháp môn Tịnh Độ]. Thiện Đạo đại sư bảo: “*Tổng tại duyên bất đồng*” (nói chung là do gặp

duyên khác nhau). Chúng ta nay gặp được pháp duyên thù thắng này, chẳng phải là việc đơn giản. Tây Phương Cực Lạc là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nhất quyết chớ nên hoài nghi. Quý vị hoài nghi là đã bỏ lỡ cơ hội trong một đời này vậy!

Trong ba kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta biết cõi Tịnh Độ nào của Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ngài toàn giới thiệu cho chúng ta Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Những điều nói trong kinh A Di Đà là [nói về] Phàm Thánh Đồng Cư Độ, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng đều nhằm giới thiệu cõi ấy. Phàm Thánh Đồng Cư Độ đã thù thắng như thế, những cõi [Tịnh Độ] cao hơn [trong Tây Phương Cực Lạc thế giới] thì cần phải nói chi nữa? Người học Phật bỏ Tịnh Độ Di Đà, tu các pháp môn khác, chẳng những là khó, mà thật ra còn đúng như thầy Lý Bình Nam đã viết trong bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ, đó là những kẻ ngu si, mê hoặc – “*phi ngu tức mê*” (không ngu thì cũng là mê). Vứt bỏ pháp chúng ta hết sức có khả năng thành tựu ngay trong một đời này, vứt bỏ pháp như vậy quả là đáng tiếc!

Ao sen, nước tám công đức do tự tánh biến hiện, duy tâm sở hiện, hải hội đại chúng chẳng ngoại lệ. Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà, bởi thế trong khai thị ở phần sau, Trung Phong thiền sư nói: “*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta), “*thử phương tức Cực Lạc, Cực Lạc tức thử phương*” (phương này tức Cực Lạc, Cực Lạc tức phương này). Những lời ấy hết sức sâu xa, nhưng là chân tướng của sự thật, chẳng giả chút nào. Những người học Phật, đem mình và Phật chia thành hai, Phật chẳng phải là ta, ta chẳng phải là Phật; đem hoàn cảnh sống hiện tại của chúng ta và thế giới Cực Lạc chia thành hai, Cực Lạc chẳng phải là Sa Bà, Sa Bà chẳng phải là Cực Lạc. Quý vị thấy Trung Phong Thiền Sư đã hợp hai thứ ấy thành một.

Vì sao tướng khác nhau? Tướng khác nhau là do tâm tướng sanh. Do quý vị nghĩ “chẳng phải là một” nên tướng chẳng giống nhau. Nếu cách nghĩ, cách nhìn của quý vị là một, thì tướng bèn thành một. Hiện tại, chúng ta khởi tâm, động niệm, nói năng, tạo tác, thực sự chẳng giống với người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tâm họ thuần tịnh, thuần thiện, tâm chúng ta bất tịnh, bất thiện. Dù có nói là tịnh thì trong tịnh vẫn xen tạp bất tịnh, nói là thiện thì vẫn xen tạp bất thiện, nên chẳng giống nhau được! Do vậy, đương nhiên cảnh giới chẳng thể giống nhau.

Trong sách, tiên sĩ Giang Bồn Thắng cho biết đã nhiều năm, ông ta hằng ngày quan sát nước kết tinh giống như hoa tuyết, chưa bao giờ thấy hai mẫu kết tinh giống nhau. Mùa Đông hoa tuyết kết tinh cũng giống như thế. Nhìn dưới kính hiển vi, chắc chắn [mỗi hoa tuyết hay hình dạng kết tinh của nước] chẳng giống nhau, chúng ta hiểu rõ đạo lý này. Ai thấy tất cả hết thấy kết tinh đều tương đồng? Kinh Đại Thừa nói “*Phật Phật đạo đồng*”. Chúng ta hãy nghĩ xem: Sau khi thành Phật, một phẩm sanh tướng vô minh tối hậu đã đoạn sạch rồi; nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng còn mảy may gì xen tạp, chư Phật thấy hết thấy hiện tượng trong vũ trụ nhất định tương đồng. Thập Địa Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát thấy hết thấy cảnh giới hết sức giống nhau, hết sức gân gỏi, nhưng xem kỹ vẫn chẳng tương đồng, hướng chi lục đạo phàm phu! Đương nhiên [phàm phu thấy các cảnh giới] chẳng tương đồng! Mỗi một người chúng ta thấy nước kết tinh cũng chẳng tương đồng, vì sao? Tiên niệm khác với hậu niệm. Đức Phật này giống hết đức Phật kia vì các Ngài đều chẳng

có ý niệm, cách thấy của các Ngài hoàn toàn tương đồng, trong mỗi niệm các Ngài thấy tương đồng.

Quý vị nhất định phải biết tất cả hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều sanh diệt trong từng sát-na. Đây là Thật Tướng! Bất sanh bất diệt chỉ là Tánh, tự tánh bất sanh bất diệt. Tánh là gì? Ở đây, Trung Phong đại sư nói tới “*linh tri*”, tức là Ngài nói đến tâm. Theo Ngài, tâm có ba thứ:

1) Một là “nhục đoàn tâm” (trái tim thịt), tất cả hết thấy chúng sanh đều có.

2) Hai là “duyên lự tâm”, tức là tâm vọng tưởng phân biệt, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là vọng tâm. Ai nấy đều có, chẳng giống nhau.

3) “Linh tri tâm” giống nhau. Linh tri tâm là chân tâm, chân tâm bất sanh bất diệt.

“*Linh, tri*”: Kinh Lăng Nghiêm nói hơi tỉ mỉ hơn một chút, kinh dùng bốn chữ “*kiến, văn, giác, tri*” (thấy, nghe, hay, biết), Trung Phong thiền sư gộp “*kiến, văn, giác*” thành một chữ Linh. Linh Tri là chân tâm, hư không pháp giới do nó biến hiện; bởi thế, hư không pháp giới đương nhiên đầy đủ “*kiến, văn, giác, tri*”. Tâm là năng biến (chủ thể thực hiện hành động biến hiện), vạn pháp là sở biến (cái được biến hiện bởi tâm). Cổ nhân nói: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng là vàng). Vàng là bản chất, có món vật nào lại chẳng mang đặc tánh của vàng? Đương nhiên là có, món nào cũng có đủ [đặc tánh ấy], chắc chắn chẳng khiếm khuyết mảy may. Từ tỷ dụ này, chúng ta suy ra: Tất cả hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều có linh tri.

Hiện tại, tôi có liên lạc với tiền sĩ Giang Bồn Thắng, ông ta cũng rất hoan nghênh tôi đến Nhật Bản tham quan phòng thí nghiệm của ông. Ông ta cũng muốn hiểu rõ cảnh giới Hoa Nghiêm. Tôi yêu cầu ông ta làm thật nhiều thí nghiệm để tìm hiểu sâu hơn “tất cả hết thấy vạn vật trong vũ trụ đều có linh tri”. Tất cả hết thấy vạn vật đều là sống, chẳng có thứ nào chết cả, thứ nào cũng có đủ “*kiến, văn, giác, tri*”. Chúng ta muốn cuộc sống của chính mình tốt đẹp, hoàn cảnh tốt đẹp, chẳng phải là không làm được, mà thực sự là chẳng dễ thực hiện. Thực hiện bằng cách nào? Thiện ý, thiện tâm thì tất cả cảnh giới đều biến thành tốt, núi sông đại địa đều sung mãn linh khí. Vì sao có tai nạn? Vì tâm chẳng lành. Trong tâm đầy áp tự tư tự lợi, đầy áp tham, sân, si, mạn, khởi tâm động niệm tổn người lợi mình, khiến cho phản ứng của tất cả hết thấy vạn vật thấy đều biến thành xấu xa. Phản ứng tốt đẹp là mô thức kết cấu tươi đẹp, dưới kính hiển vi, quý vị sẽ thấy được [điều này]. Tâm tình bất hảo, ý niệm bất hảo, phản ứng sẽ rất khó coi!

Do vậy, thế giới Cực Lạc là tâm thanh tịnh của chính mình, do thiện ý, mỹ ý biến hiện ra. Thế giới Sa Bà của chúng ta là do tâm nhiễm ô, do ác ý, ác niệm biến hiện ra. Bản thân hết thấy vạn vật vốn chẳng có ý niệm, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chỉ là có linh tri, chứ không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Hữu tình chúng sanh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; vô tình chúng sanh bị chuyển theo ý nghĩ của quý vị. Do vậy, kinh thường nói “*cảnh tùy tâm chuyển*” (cảnh chuyển theo tâm). Đó là một nguyên lý, nguyên tắc căn bản, phải tin tưởng sâu xa, chớ nên nghi ngờ! Từ nơi đâu để thực hiện [chuyển cảnh theo tâm]? Từ thiện ý, từ nơi ý niệm của quý vị mà thực hiện, sửa đổi toàn bộ hết thấy ý niệm ác và tư tưởng ác, đổi thành thiện ý, đổi thành mỹ ý thì thế giới này trở thành tốt đẹp, thành thiện mỹ, thành “*liên trì hải hội*”.

Chữ “*Phật Bồ Tát*” chẳng cần phải giải thích nữa. Do vậy, quý vị hãy nghĩ xem: Câu này bao gồm những nghĩa lý rộng sâu vô tận, dù chúng tôi ngày ngày giảng nói, giảng suốt cả trăm năm cũng chẳng giảng hết. Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi.

**Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm
Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký,
phần 1 hết**